

Tình huống: “Thầy M dạy Ngữ văn ở lớp của K rất hay làm các bài thơ ngắn và đọc cho cả lớp nghe vào đầu tiết học. K thường tỏ ra khó chịu và quay sang nói chuyện riêng với bạn mỗi khi thầy đọc thơ”.

- A. Trong giờ học Ngữ văn chỉ nên tập trung vào nội dung của bài học, thầy K không nên đọc thơ do thầy tự làm. K có thể làm việc riêng của mình.
- B. Việc thầy M đọc các bài thơ ngắn cho cả lớp nghe vào đầu tiết học với mục đích để tạo không khí hứng thú cho cả lớp trước khi bắt đầu bài học. K cần giữ trật tự và lắng nghe thầy M.
- C. Bài thơ của thầy M không liên quan đến nội dung bài học nên K có thể không lắng nghe nhưng vẫn cần giữ trật tự trong lớp học.
- D. K nên phản ánh và báo cáo sự việc thầy M dạy Ngữ văn rất hay làm các bài thơ ngắn và đọc cho cả lớp nghe vào đầu tiết học với giáo viên chủ nhiệm.

Câu 17: Thực hành thể hiện tôn trọng sự khác biệt trong tình huống sau:

Tình huống: “Bạn G thường nói lấp mỗi khi mất bình tĩnh. Những lúc như vậy, một số bạn trong lớp lại cười G”.

- A. Việc G nói lấp mỗi khi mất bình tĩnh có thể sửa được. Động viên và hướng dẫn G một số cách để khắc phục việc nói lấp mỗi khi mất bình tĩnh như: tập đọc hàng ngày, tập nói trước gương, thư giãn tinh thần,...
- B. Không nên động viên và góp ý cho G cách khắc phục việc nói lấp mỗi khi mất bình tĩnh vì sợ bạn sẽ xấu hổ, bực tức hoặc không chơi với mình nữa.
- C. Việc G nói lấp mỗi khi mất bình tĩnh là một hình ảnh không đẹp. Không nên để G thuyết trình trước lớp.
- D. Cố gắng lắng nghe và tập trung để hiểu nội dung G muốn truyền đạt mỗi khi bạn nói lấp.

Câu 18: Thực hành thể hiện tôn trọng sự khác biệt trong tình huống sau:

Tình huống: “Bạn A có sở thích tìm hiểu về thiên văn, nên A thường say sưa nói về dải Ngân hà và các chòm sao. Một số bạn trong lớp hay trêu chọc A là “người đến từ hành tinh khác”.

- A. Sở thích tìm hiểu về thiên văn học của A không phù hợp với học sinh và làm mất nhiều thời gian học tập. A nên bỏ sở thích này và tập trung vào việc học.
- B. A thích tìm hiểu về thiên văn học nên A sẽ có thời gian và cơ hội tìm hiểu về sự phát triển của khoa học và công nghệ, cải thiện khả năng giải quyết vấn đề và phát triển sáng tạo của bản thân. Nên ủng hộ sở thích của A.
- C. Không ủng hộ hay chê bai sở thích A vì không quan tâm đến A.
- D. Không chê bai sở thích A nhưng không muốn lắng nghe, né tránh mỗi khi bạn nói chuyện về thiên văn học.

Câu 19: Thể hiện cách ứng xử tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa trong tình huống sau:

Tình huống: "Cô L đến lớp với tâm trạng mệt mỏi, giờ giảng của cô không được sôi nổi như mọi khi".

- A. Đánh giá, chỉ trích cô L vì giờ dạy không tập trung và tâm huyết.
- B. Tò thái độ khó chịu và quay sang nói chuyện riêng với bạn đến hết giờ.
- C. Quan tâm đến cô L sau khi giờ học kết thúc và sẵn sàng lắng nghe, giúp đỡ cô L khi cần thiết.
- D. Giữ trật tự trong giờ học của cô L. Tuy nhiên, không lắng nghe bài giảng của cô do bài giảng không thú vị như mọi khi.

Câu 20: Câu ca dao, tục ngữ nói về cách sống hài hòa với bạn bè là:

- A. Đất tốt trồng cây rườm rà/Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.
- B. Có kiềng có lạnh, có dành có lúa.
- C. Quen nhau từ thuở hàn vi/Bây giờ sang trọng sá chi thân hèn.
- D. Gieo nhân nào gặp quả ấy.

Câu 21: Điều không phải là mục tiêu của Chương trình hành động, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên là:

- A. Triển khai nội dung giáo dục phòng, chống bạo lực học đường là các hoạt động giáo dục chính và quan trọng nhất trong trường học.
- B. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng, chống bạo lực học đường cho cán bộ, giáo viên và học sinh.
- C. Thực hiện các biện pháp can thiệp, hỗ trợ kịp thời khi có học sinh bị bạo lực học đường.
- D. Xây dựng và triển khai thực hiện bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

Câu 22: Tại sao phải khám phá bản thân?

- A. Giúp chúng ta biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó tìm cách phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu.
- B. Giúp bản thân ngày càng tiến bộ và hoàn thiện hơn.
- C. Cả A và B đều sai
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 23: Em sẽ làm gì nếu bạn mình mỗi khi được người khác góp ý thì tỏ ra khó chịu và không quan tâm?

- A. Mặc kệ bạn và không đưa ra lời khuyên.
- B. Khuyên bạn cần vui vẻ góp ý từ mọi người để hoàn thiện bản thân.
- C. Trách móc bạn bắt buộc phải lắng nghe ý kiến mọi người.
- D. Khuyến khích bạn cứ tỏ ra khó chịu và không quan tâm đến lời góp ý từ người khác.

Câu 24: Khi bà bị ốm, Phương liền đi mua sữa cho bà uống. Việc làm đó thể hiện?

- A. Phương là người quan tâm, chăm sóc ông bà.
- B. Phương là người hay nịnh hót.

- C. Phương là người ích kỉ.
- D. Phương là người hòa đồng.

Câu 25: Trường em tổ chức Hội khỏe Phù Đổng. Các bạn đồng viên em tham gia môn bơi lội, nhưng em lại đá bóng rất tốt. Em sẽ xử lí như thế nào?

- A. Em không tham gia.
- B. Em đồng ý tham gia.
- C. Em không nói gì cả.
- D. Em nói ra ưu điểm của bản thân và tới tham dự với mọi người.

Môn: Nghệ thuật 9

I. Nội dung Âm nhạc.

1. Ôn tập bài hát:

- Bài hát Tuổi mười lăm
- Bài hát Quê hương thanh bình

(Yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát.)

2. Ôn tập bài đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 1.
- Bài đọc nhạc số 2.

(Yêu cầu :Đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca, biết gõ đệm theo âm hình tiết tấu.)

3. Ôn tập nhạc cụ: Các mẫu tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.

(Yêu cầu thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết ứng dụng cho bài hát, biết vận dụng bộ gõ cơ thể vào bài hát và đọc nhạc.)

II. Nội dung Mĩ thuật.

- Thiết kế thời trang với đồ vật đã qua sử dụng.
- Vẽ tranh siêu thực.

(Yêu cầu biết vẽ tranh siêu thực và vẽ tranh thiết kế trang phục, thực hành giấy khổ A4)

Môn: Giáo dục thể chất 9

I. Nội dung ôn tập.

- Chạy cự li ngắn (100m)

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.
- Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ, sức bền tốc độ.

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phân môn Lịch sử

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4

2. Nội dung chính

Lịch sử thế giới từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

II. Phân môn Địa lí

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3.

2. Nội dung chính

Bài 1. Dân tộc và dân số.

Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.

Bài 3. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI: 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Phân môn Lịch sử

Câu 1. Trình bày những thành tựu và chỉ ra những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941) theo bảng mẫu sau:

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Hạn chế
Kinh tế		
Chính trị		
Xã hội, văn hóa, giáo dục		

Câu 2. Nêu nhận xét của em về con đường thoát khỏi đại suy thoái của các nước tư bản châu Âu và nước Mỹ.

Câu 3. Trình bày nguyên nhân và diễn biến chính của chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4. Nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai của Liên Xô và các nước Đồng minh.

Câu 5. Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại những bài học gì cho việc bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay?

II. Phân môn Địa lí

Câu 1: Dân cư là nguồn lực đặc biệt đối với phát triển kinh tế. Việc tìm hiểu dân tộc, dân số có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hãy nêu một số hiểu biết của em về dân tộc và dân số nước ta.

Câu 2: So sánh sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị?

Câu 3: Trình bày các giải pháp giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta?

Câu 4: Cho bảng số liệu

Bảng 1.1. SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1989 - 2021

Năm	1989	1999	2009	2021
Số dân (triệu người)	64,4	76,5	86,0	98,5
Tỉ lệ tăng dân số (%)	2,10	1,51	1,30	0,94

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

a. Nhận xét về sự thay đổi quy mô dân số và tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

b. Vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta, giai đoạn 1989 - 2021.

Câu 5: Em thuộc dân tộc nào? Trình bày đặc điểm phân bố của dân tộc đó?

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 9

A. Nội dung ôn tập

Chủ đề 1: Giá trị di sản văn hóa ở thành phố Hà Nội trong phát triển kinh tế du lịch

Chủ đề 2. Hà nội từ năm 1945 đến nay

B. Cấu trúc đề thi: 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

C. Hệ thống câu hỏi ôn tập

* Dạng tự luận

Câu 1. Kể tên 5 di sản văn hóa nổi tiếng ở Hà Nội.

Câu 2. Di sản văn hóa ở thành phố Hà Nội có giá trị thế nào trong phát triển du lịch và kinh tế địa phương ?

Câu 3. Theo em có những cách nào để khai thác và phát triển bền vững các di sản văn hóa trong du lịch ở Hà Nội?

* Dạng trắc nghiệm

Câu 1. Đây là đáp án đúng khi đánh giá tổng quan về di sản văn hóa ở Hà Nội?

- A. Hà Nội có gần 6.000 di tích văn hóa, lịch sử, trong đó có 16 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt, gần 1.200 di tích được xếp hạng quốc gia.
- B. Hà Nội có gần 7.000 di tích văn hóa, lịch sử, trong đó có 16 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt, gần 1.200 di tích được xếp hạng quốc gia.
- C. Hà Nội có gần 6.000 di tích văn hóa, lịch sử, trong đó có 18 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt, gần 1.200 di tích được xếp hạng quốc gia.
- D. Hà Nội có gần 6.000 di tích văn hóa, lịch sử, trong đó có 16 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt, gần 1.500 di tích được xếp hạng quốc gia.

Câu 2. Khu Di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản văn hóa thế giới năm nào?

- A. 2009.
- B. 2010.
- C. 2011.
- D. 2012.

Câu 3. Trong một lần đi tham quan Cột cờ Hà Nội, thấy trên bức tường, bia di tích có những nét khắc, nét vẽ chẳng chịt tên, ngày tháng của những người đến tham quan, bạn T tỏ thái độ phê phán những việc làm đó. Ngược lại, bạn Q cho rằng việc khắc tên lên bia đá là một cách lưu lại dấu ấn của du khách. Bạn P cũng đồng tình với ý kiến của Q và rủ Q cùng khắc tên lên tường thành cổ.

Trong trường hợp trên, bạn học sinh nào đã có ý thức bảo vệ di sản văn hóa?

- A. Bạn P.
- B. Bạn Q.
- C. Bạn T.
- D. Cả 3 bạn: P, Q, T.

Câu 4. Trên đường đi học về, K và V phát hiện mấy thanh niên có hành vi phá phách di sản văn hóa trong phố cổ. K rủ V đi báo công an nhưng V từ chối và nói: "Việc đó nguy hiểm lắm, nếu họ biết mình tố cáo sẽ trả thù chúng mình đấy. Tớ không làm đâu, cậu thích thì tự đi báo công an đi".

Trong trường hợp trên, bạn học sinh nào đã có ý thức bảo vệ di sản văn hóa?

- A. Bạn K.
- B. Bạn V.
- C. Hai bạn K và V.
- D. Không có bạn nào.

Câu 5. Việc làm nào sau đây thể hiện sự tôn vinh những giá trị văn hóa đặc sắc của Thủ đô?

- A. Khắc tên lên tường, bia tại khu di tích để lưu lại dấu ấn của mình.
- B. Tổ chức lễ hội truyền thống với nhiều quy mô, hình thức khác nhau.
- C. Vứt rác bừa bãi khi đến thăm các di tích.
- D. Ăn mặc không lịch sự khi vào thăm các di tích lịch sử, văn hóa.

Câu 6. Đây không phải là di sản văn hóa của thủ đô Hà Nội?

- A. Khu Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.
- B. Làng cổ Đường Lâm.
- C. Khu di tích núi Sóc.
- D. Khu di tích Côn Sơn, Kiếp Bạc.

Câu 7. Câu ca dao, tục ngữ nào sau đây nói về di sản văn hóa của Hà Nội?

- A. Ai đi trảy hội chùa Hương/ Làm ơn gặp khách thập phương hỏi giùm/ Mớ rau sắn, quả mơn non/ Mớ chua sắn ngọt, biết còn thương chăng?
- B. Đồng Đăng có Phố Kì Lừa/ Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.
- C. Ai về Nội Duệ, Cầu Lim/ Nghe câu quan họ, đi tìm người thương.
- D. Hội An đất hẹp người đông/ Nhân tình thuần hậu lá bông đủ màu/ Dạo từ sông trước xóm sau/ Dưới thì Âm Bồn, Chùa Cầu ở trên.

Câu 8. Ý kiến nào dưới đây là **không đúng** khi bàn về vấn đề di sản văn hóa?

- A. Bảo tồn di sản văn hóa góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến.
- B. Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ các di sản văn hóa.
- C. Chúng ta chỉ cần bảo vệ những di tích – lịch sử được nhà nước xếp hạng.
- D. Cần bảo tồn cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

Câu 9. Khi đến thăm Văn Miếu Quốc Tử Giám, bạn H vứt rác bừa bãi ngay ở nhà Bia Tiến sĩ, chứng kiến việc làm đó của H, em sẽ làm gì?

- A. Không có ý kiến gì vì chẳng ảnh hưởng đến mình.
- B. Nhắc bạn không vứt rác bừa bãi vì như vậy là không biết bảo vệ di sản văn hóa.
- C. Không nhắc H nhưng đi kể với bạn khác và tố thái độ chệch bai về hành vi của H.
- D. Không chơi với H nữa vì sự thiếu ý thức của bạn.

Câu 10. Ngày 10/10/1954 có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Ngày giải phóng Thủ đô.
- B. Ngày giải phóng Miền Nam.
- C. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
- D. Ngày Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập.

Câu 11. Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong 60 ngày đêm cuối năm 1946 – đầu năm 1947?

- A. Việt Nam giải phóng quân.
- B. Cứu quốc quân.
- C. Trung đoàn Thủ đô.
- D. Dân quân, du kích.

Câu 12. Mĩ tấn công Hà Nội lần thứ hai vào thời gian nào?

- A. Tháng 5/1954.
- B. Tháng 12/1966.
- C. Tháng 10/1972.
- D. Tháng 12/1972.

Câu 13. Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không diễn ra trong bao nhiêu thời gian?

- A. 56 ngày.
- B. 12 ngày.
- C. 36 ngày.
- D. 9 năm.

Câu 14. Mục tiêu của Mĩ khi ném bom Hà Nội là gì?

- A. Chiếm Thủ đô Hà Nội.
- B. Cắt đứt nơi viện trợ cho Miền Nam.
- C. Đưa Hà Nội trở về thời đồ đá.
- D. San phẳng Hà Nội.

Câu 15. Chiến thắng nào của quân dân Thủ đô làm tiêu tan huyền thoại sức mạnh không lực Hoa Kỳ. Hà Nội không trở về "thời kỳ đồ đá" mà trở thành "Thủ đô lương tri phẩm giá con người"

- A. Điện Biên Phủ trên không.
- B. 60 ngày đêm: cuối 1946 - đầu 1947.
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ.
- D. Chiến dịch Biên giới 1950.

Câu 16. Ngày giải phóng Thủ đô là ngày nào?

- A. 2/9/1945.
- B. 10/10/1954.
- C. 7/5/1954.
- D. 30/4/1975

Câu 17. Những việc làm nào sau đây **không** phù hợp với lứa tuổi của học sinh nhằm góp phần bảo vệ di sản văn hóa?

- A. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp kịp thời đối với những hành vi phá hoại di sản văn hóa.
- B. Có thái độ tôn trọng, tự hào và giữ gìn những di sản văn hóa.
- C. Chấp hành, tuyên truyền quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa tại nhà trường và địa phương.
- D. Bắt giữ đối tượng có hành vi phá hoại di sản văn hóa.

Câu 18: Những việc làm nào dưới đây **không** góp phần bảo tồn di sản văn hoá ?

- A. Mặc trang phục truyền thống dân tộc trong những ngày lễ hội.
- B. Biểu diễn các khúc dân ca trong những ngày lễ kỉ niệm của trường.
- C. Khắc tên mình lên di tích khi tới tham quan.
- D. Sưu tầm tranh ảnh về di sản văn hoá ở địa phương.

Câu 19: Trong những hành vi dưới đây, hành vi nào là vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa?

- A. Học tập, tìm hiểu về di tích lịch sử - văn hoá của địa phương.
- B. Đập phá các di sản văn hoá.
- C. Đem nộp cổ vật mình tìm được cho cơ quan có thẩm quyền.
- D. Tổ cáo hành vi xâm phạm các di tích lịch sử - văn hoá của địa phương.

Câu 20: Chú Hùng đào móng để xây nhà thì phát hiện một cổ vật rất quý. Chú Hùng có ý định cất giấu làm của riêng vì cho rằng nó được tìm thấy trong nhà mình, tức là tài sản thuộc sở hữu của gia đình mình. Nếu em là chú Hùng, em sẽ làm gì?

- A. Cất giấu cổ vật đó đi vì nó được tìm thấy trong nhà mình.
- B. Mang cổ vật đi đấu giá.
- C. Chiếm giữ cổ vật đó để sở hữu riêng.
- D. Giao nộp cho chính quyền địa phương.

Câu 21: Cuối tuần, lớp 9A được tham quan và học tập ở khu di tích lịch sử nhà tù Hòa Lò. Cả lớp rất hào hứng vì được cô hướng dẫn viên giới thiệu rất tỉ mỉ về di tích, giúp các em hiểu thêm về lịch sử đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Tuy nhiên, một số bạn không tập trung nghe cô nói mà tự ý tách đoàn để đi chụp ảnh, tìm cách viết tên mình lên khu di tích. Nếu là học sinh lớp 9A, em sẽ làm gì ?

- A. Cùng các bạn đi chụp ảnh kỉ niệm và khắc tên mình lên khu di tích để lưu dấu ấn.
- B. Mặc kệ vì việc các bạn làm không liên quan gì đến mình.
- C. Không dám nói gì vì sợ các bạn ghét không chơi với mình nữa, với lại việc làm đó cũng không ảnh hưởng tới mình.
- D. Yêu cầu các bạn trật tự lắng nghe để tiếp thu kiến thức, không đi tách đoàn, không khắc tên lên khu di tích nhằm bảo tồn di sản văn hóa.

TIẾNG ANH 9

I. Topics: Units: 1=> 3

II. Vocabulary

- ❖ Traditional handicrafts
- ❖ Community helpers
- ❖ City life
- ❖ Students' life and schoolwork

III. Grammar

A. Theory

1. Question words before to-infinitives

- ❖ We can use question words *who, what, where, when, how* before a to-infinitive to express a situation that it is difficult or uncertain.

E.g: We don't know who we should contact.

→ We don't know *who to contact*.

- ❖ We often use the verbs *ask, wonder, (not) be sure, have no idea, (not) know, (not) decide, (not) tell* before the question word +to-infinitive.

E.g: I have no idea where to get this information.

2. Phrasal verbs

-Cụm động từ gồm có một động từ và một hoặc hai trợ từ như *up, down, back, on, round,...*

-Cụm động từ thường có ý nghĩa đặc biệt. Ví dụ:

+ *go out* = leave your house to go to a social event

(ra ngoài = rời khỏi nhà để đi tham dự một sự kiện xã hội)

+ *pass down* = give or teach something to your children (truyền lại = cho hoặc dạy điều gì đó cho con bạn)

+ *cut down on* = reduce the amount or number of something (cắt giảm = giảm lượng hoặc số lượng của một cái gì đó)

+ *run out of* = have no more of (hết, cạn kiệt = không còn nữa)

3. Double comparatives

Chúng ta sử dụng the với tính từ so sánh hơn để chỉ ra rằng một sự việc hoặc tình huống này phụ thuộc vào một sự việc hoặc tình huống khác.

THE + so sánh hơn + S + V, THE + so sánh hơn + S + V

Ví dụ: The more developed the city is, the more crowded it becomes. (Thành phố càng phát triển thì càng đông đúc.)

The nearer we got to the suburb, the less busy the road was. (Càng đến gần vùng ngoại ô, con đường càng bớt nhộn nhịp.)

4. Câu Điều Kiện Loại 1 với Động Từ Khuyết Thiếu

Trong câu điều kiện loại 1, chúng ta thường sử dụng thì hiện tại đơn trong mệnh đề **if** và **will** + động từ nguyên thể trong mệnh đề chính để diễn tả một hành động có thể xảy ra trong tương lai nếu điều kiện được đáp ứng. Tuy nhiên, bạn có thể thay thế **will** bằng các động từ khuyết thiếu để thể hiện các sắc thái khác nhau như khả năng, sự cho phép, sự cần thiết, và lời khuyên.

Cấu Trúc Câu Điều Kiện Loại 1:

- Mệnh đề **if**: Thì hiện tại đơn
- Mệnh đề chính: Will + động từ nguyên thể (hoặc các động từ khuyết thiếu)

Ví dụ:

1. Khả năng (Can)

- Sử dụng "can": If you study hard, you can pass the exam.
- Giải thích: Ở đây, "can" diễn tả khả năng của việc vượt qua kỳ thi nếu bạn học chăm chỉ.

2. Sự cần thiết (Must)

- **Sử dụng "must":** If you want to stay healthy, you must eat a balanced diet.
- **Giải thích:** "Must" thể hiện sự cần thiết hoặc yêu cầu để duy trì sức khỏe.
- 3. **Lời khuyên (Should)**
 - **Sử dụng "should":** If you feel stressed, you should take a break.
 - **Giải thích:** "Should" cung cấp lời khuyên về việc làm gì để giảm bớt căng thẳng.
- 4. **Sự cho phép (May)**
 - **Sử dụng "may":** If you complete the project, you may leave early.
 - **Giải thích:** "May" thể hiện sự cho phép có thể được cấp sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

D. Exercises

I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

- | | | | |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>a</u> ccomplish | B. <u>a</u> dditional | C. <u>a</u> nxiety | D. <u>a</u> ssignment |
| 2. A. <u>a</u> ddress | B. <u>a</u> ddress | C. <u>a</u> ddress | D. <u>a</u> ddress |
| 3. A. <u>e</u> ducate | B. <u>e</u> ducate | C. <u>e</u> ducate | D. <u>e</u> ducate |
| 4. A. <u>c</u> ounsellor | B. <u>c</u> ounsellor | C. <u>c</u> ounsellor | D. <u>c</u> ounsellor |
| 5. A. <u>h</u> ealthy | B. <u>h</u> appy | C. <u>h</u> omework | D. <u>h</u> onour |
| 6. A. <u>h</u> onour | B. <u>h</u> appy | C. <u>h</u> urry | D. <u>a</u> head |
| 7. A. <u>s</u> everal | B. <u>s</u> tart | C. <u>r</u> egular | D. <u>p</u> arent |
| 8. A. <u>w</u> here | B. <u>h</u> onest | C. <u>h</u> omesick | D. <u>c</u> horus |
| 9. A. <u>h</u> andshake | B. <u>n</u> aughty | C. <u>r</u> edhead | D. <u>s</u> eahorse |
| 10. A. <u>h</u> ow | B. <u>u</u> nhappy | C. <u>h</u> our | D. <u>b</u> ehind |
| 11. A. <u>m</u> arket | B. <u>d</u> epart | C. <u>c</u> ard | D. <u>s</u> care |
| 12. A. <u>e</u> ntrance | B. <u>p</u> addy | C. <u>b</u> amboo | D. <u>b</u> anyan |
| 13. A. <u>a</u> ttraction | B. <u>b</u> anyan | C. <u>f</u> rame | D. <u>h</u> andicraft |
| 14. A. <u>t</u> hread | B. <u>t</u> reat | C. <u>p</u> leasure | D. <u>d</u> eadline |
| 15. A. <u>b</u> eat | B. <u>h</u> eat | C. <u>s</u> weat | D. <u>m</u> eat |
| 16. A. <u>b</u> reak | B. <u>p</u> ease | C. <u>s</u> teak | D. <u>g</u> reatness |
| 17. A. <u>s</u> earch | B. <u>l</u> earn | C. <u>e</u> arth | D. <u>h</u> earth |
| 18. A. <u>d</u> ead | B. <u>t</u> hread | C. <u>b</u> read | D. <u>i</u> dea |
| 19. A. <u>s</u> ea | B. <u>r</u> eady | C. <u>j</u> alous | D. <u>t</u> readmill |
| 20. A. <u>A</u> mazing | B. <u>F</u> an | C. <u>H</u> at | D. <u>M</u> adness |

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

- | | | | |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1. A. <u>p</u> ottery | B. <u>a</u> rtisan | C. <u>f</u> avourite | D. <u>c</u> ollection |
| 2. A. <u>a</u> ttaction | B. <u>c</u> raftsman | C. <u>l</u> acquerware | D. <u>s</u> culpture |
| 3. A. <u>e</u> mbroider | B. <u>p</u> ublish | C. <u>r</u> emind | D. <u>p</u> reserve |
| 4. A. <u>s</u> uburb | B. <u>n</u> eighbour | C. <u>a</u> dvice | D. <u>p</u> eople |
| 5. A. <u>d</u> eliver | B. <u>e</u> lectric | C. <u>r</u> elation | D. <u>i</u> mportance |
| 6. A. <u>g</u> uidance | B. <u>i</u> nformed | C. <u>c</u> hildhood | D. <u>p</u> ressure |
| 7. A. <u>a</u> dolescence | B. <u>d</u> isappointed | C. <u>i</u> ndependence | D. <u>e</u> motional |
| 8. A. <u>c</u> ognitive | B. <u>a</u> bandon | C. <u>e</u> motion | D. <u>i</u> mportant |
| 9. A. <u>d</u> isappointed | B. <u>p</u> reparation | C. <u>a</u> dolescence | D. <u>c</u> ommunicate |
| 10. A. <u>p</u> ressure | B. <u>c</u> onvince | C. <u>f</u> riendship | D. <u>g</u> uidance |
| 11. A. <u>a</u> dditional | B. <u>a</u> nxiety | C. <u>a</u> ppropriate | D. <u>o</u> ptimistic |
| 12. A. <u>a</u> dolescence | B. <u>a</u> dulthood | C. <u>c</u> ognitive | D. <u>c</u> oncentrate |
| 13. A. <u>c</u> onfident | B. <u>d</u> elighted | C. <u>d</u> epressed | D. <u>e</u> mbarrassed |
| 14. A. <u>d</u> elicious | B. <u>h</u> istoric | C. <u>f</u> orbidden | D. <u>r</u> ecognise |
| 15. A. <u>l</u> ocate | B. <u>m</u> ingle | C. <u>d</u> evelop | D. <u>a</u> tract |
| 16. A. <u>p</u> rocess | B. <u>m</u> etro | C. <u>p</u> ricey | D. <u>a</u> dvance |

- | | | | |
|---------------------|--------------|---------------|---------------|
| 17. A. dusty | B. modern | C. attract | D. pricey |
| 18. A. urban | B. asset | C. metro | D. conduct |
| 19. A. factor | B. medium | C. conflict | D. downtown |
| 20. A. metropolitan | B. situation | C. population | D. historical |

III. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- They wondered _____ to start the new neighborhood watch program.
A. who B. what C. where D. how
- She asked _____ to organize the local charity event.
A. where B. who C. why D. when
- We don't know _____ to apply for the community grant.
A. where B. when C. how D. what
- He asked _____ to support the new recycling initiative.
A. what B. who C. how D. why
- They want to find out _____ to improve the local park facilities.
A. where B. what C. why D. how
- She doesn't know _____ to encourage more people to volunteer.
A. what B. who C. when D. why
- We need to ask _____ to help clean up the streets.
A. what B. who C. how D. why
- The _____ the noise levels are in the city, the _____ it is to find a peaceful place to relax.
A. higher / harder B. lower / harder C. higher / easier D. lower / easier
- The _____ the public amenities are, the _____ the quality of life for residents.
A. fewer / lower B. more / higher C. fewer / higher D. more / lower
- The _____ the sky train system is, the _____ it is for people to travel across the city.
A. more efficient / easier B. less efficient / easier
C. more efficient / harder D. less efficient / harder
- The _____ the traffic flow in the downtown area, the _____ the commute for workers.
A. smoother / better B. rougher / better C. smoother / worse D. rougher / worse
- The _____ the city's infrastructure improves, the _____ traffic congestion will be.
A. less / worse B. more / better C. more / worse D. less / better
- The _____ the dust in the air, the _____ it is to breathe comfortably in the city.
A. more / easier B. less / harder C. more / harder D. less / easier
- The _____ the local businesses are supported, the _____ they will contribute to the city's economy.
A. less / more B. more / less C. more / more D. less / less
- _____ smoother _____ traffic flow in the downtown area, _____ better the commute for workers.
A. The / the / the B. A / the / a C. The / a / a D. The / a / the

IV. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- The community decided to _____ the amount of waste produced.
A. cut down on B. pass down C. run out of D. look around
- She had to _____ the broken benches in the park.
A. take care of B. cut down on C. break down D. pass down
- They agreed to _____ more events to encourage local participation.
A. set up B. pass down C. cut down on D. look around
- If they _____ a balanced diet, they might feel more energetic.
A. will follow B. should follow C. follows D. follow

5. If you _____ physical exercise into your daily routine, your physical health can improve.
A. incorporate B. should incorporate C. will incorporate D. must incorporate
6. If she _____ positive thinking, she may become more optimistic.
A. practices B. practice C. should practice D. will practice
7. If you _____ away from negative influences, you might feel happier.
A. stay B. stays C. should stay D. will stay
8. The mayor decided to _____ new programs to help the homeless.
A. set up B. take away C. look around D. break down
9. After the event, they had to _____ all the leftover materials.
A. pass down B. look around C. take away D. break down
10. She had to _____ the garden every week to keep it tidy.
A. take care of B. set up C. run out of D. cut down on
11. If you _____ time for relaxation, you will avoid feeling overwhelmed.
A. will make B. make C. should make D. must make
12. They wanted to _____ the problem of littering in the neighborhood.
A. break down B. set up C. cut down on D. look around
13. The school will _____ new health programs next semester.
A. put forward B. break down C. pass down D. take away
14. The committee needs to _____ the feedback from the community meeting.
A. break down B. set up C. take away D. pass down
15. They will _____ the old park benches and replace them with new ones.
A. break down B. set up C. take care of D. look around
16. If they _____ their diet, they can reduce the risk of illness.
A. will improve B. improves C. improve D. should improve
17. If you _____ distractions, you will focus better on your studies.
A. eliminate B. will eliminate C. eliminates D. should eliminate
18. If teens _____ healthier snacks, they will have more energy throughout the day.
A. choose B. chooses C. should choose D. will choose
19. If you _____ good posture, you may avoid back pain in the future.
A. maintains B. will maintain C. should maintain D. maintain
20. If they _____ active, they can prevent many health issues.
A. stay B. will stay C. should stay D. stays

V. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. Regular _____ is essential for maintaining good physical and mental health.
A. distraction B. fast food C. exercise D. delay
2. A _____ can help you manage stress and provide guidance in difficult times.
A. counsellor B. distraction C. priority D. punishment
3. Eating a _____ helps you stay fit and full of energy.
A. due date B. fast food C. healthy diet D. praise
4. It's important to _____ your time effectively to balance work and leisure.
A. delay B. manage C. train D. punish
5. To stay healthy, try to _____ at least three times a week.
A. work out B. gain weight C. look after D. wait for
6. Avoid eating too much _____ if you want to lose weight.
A. well-balanced life B. fast food C. encouragement D. accomplishment
7. Regular exercise can help you _____ stress.
A. reduce B. delay C. invite D. get through
8. It's crucial to _____ a well-balanced life to achieve long-term happiness.
A. maintain B. punish C. complete D. get burnt
9. Teens should _____ enough sleep and not stay up late too often.
A. intend B. maintain C. prioritize D. give priority

10. An optimistic mindset can help you overcome _____ in life.
A. distraction B. difficulties C. combination D. delay
11. After spending a lot of time outside, he experienced _____.
A. itchy eyes B. traffic light C. concrete jungle D. noise pollution
12. The _____ in this area is quite high, which can be a concern for families.
A. entertainment centre B. noisy C. high crime rate D. food waste
13. It's important to be _____ when crossing busy streets.
A. concrete jungle B. careful C. high crime rate D. public transport
14. The city has many _____ like parks and playgrounds.
A. traffic light B. entertainment centre C. noise pollution D. public amenities
15. Many people like to _____ in the park on weekends.
A. drop-off B. hang out with C. turn into D. get stuck
16. The _____ helps to keep the streets clean and organized.
A. garbage collector B. delivery person C. police officer D. artisan
17. The _____ in the town center is always bustling with activity and events.
A. community service B. farmer's market C. shopping mall D. sports club
18. The _____ is a place where people can participate in various recreational activities.
A. public park B. recycling program C. town hall D. cultural event
19. The _____ is essential for maintaining safety during emergencies.
A. police officer B. garbage collector C. electrician D. volunteer
20. The _____ at the festival was lit with beautiful lanterns.
A. community garden B. public park C. sports club D. pedestrian street

VI. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

VI.1.

1. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

A new shopping mall has just been opened in the city. Here's a brief report.

- a. The mall includes a wide range of shops, restaurants, and a cinema.
b. The grand opening was a huge success, attracting many visitors.
c. Located in the heart of the city, the mall aims to provide a modern shopping experience.
- A. a - c - b B. b - c - a C. b - a - c D. c - a - b

2. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in Question 1).

- A. The mall will have special offers and events in the coming weeks.
B. Visitors can enjoy free parking during the first month of opening.
C. The mall is expected to become a central hub for shopping and entertainment.
D. Many local businesses have already set up shops in the new mall.

VI.2

1. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Regular exercise is essential for maintaining good health because of the following reasons

- a. Third, it can help improve your mental health and mood.
b. Additionally, staying active can help you manage your weight.
c. Exercise strengthens your heart and lungs, reducing the risk of many diseases.
- A. a - b - c B. c - b - a C. b - a - c D. c - a - b

2. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in Question 1).

- A. To sum up, exercise is not only good for your body but also for your mind.
B. It's also a great way to make new friends if you join a class or a sports team.
C. You should consult a doctor before starting any new exercise routine.
D. Therefore, everyone should try to exercise at least 30 minutes a day.

VII. Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. What does the sign say?



- A. There is careful construction.
- B. Construction must be carefully done in progress.
- C. You have to construct buildings with caution.
- D. Be careful because building work is happening.

2. What does the notice say?

If you take this journey regularly, you can save money with our Super Weekly Saver Ticket.

- A. Cheaper tickets are available for people who travel often.
- B. You need a special type of ticket if you travel regularly.
- C. The Super Weekly Saver ticket can help all travellers to save money.
- D. The notice advises you to take this journey less often to save money.

3. What does the sign say?



- A. You mustn't use the horn in this area.
- B. There aren't any horns in this area.
- C. You should use the horn only in an emergency.
- D. You don't have to use the horn in this area.

4. What does the notice say?

The private rooms are open from 10 a.m to 2 p.m to people with membership cards.

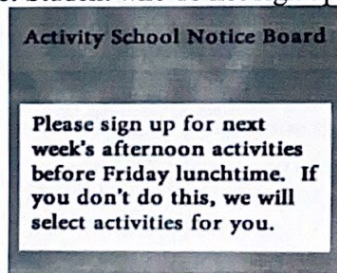
- A. You can get your membership cards from the Private Rooms between 10 a.m and 2 p.m.
- B. Only members can visit the Private Rooms from 10 a.m to 2 p.m.
- C. Anyone can visit the private rooms from 10 a.m to 2 p.m.
- D. Membership cards are not required to use the private rooms.

5. What does the sign say?



- A. Waste is not available in this place.
- B. You don't need to litter in this place.
- C. You mustn't throw trash on the ground.
- D. Littering is not good for the environment.

6. Student who do not sign up before Friday lunchtime...



- Students who do not sign up before Friday lunchtime...
- A. won't be able to choose their afternoon activities next week.
 - B. will not be able to do afternoon activities next week.
 - C. will have to work in the afternoons next week.
 - D. will do any afternoon activity they want.

VIII. Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank.

VIII.1

To: all employees

There will be a blackout each Saturday during this month. (1), we will use the generator (2) the electric source. So, please do not use air conditioners (3) Saturdays. Please don't forget to turn (4) the lights, computers, printers during the break as usual.

Question 1. A. However

B. Therefore

C. Although

D. Otherwise

Question 2. A. like

B. such as

C. as

D. alike

Question 3. A. on

B. in

C. at

D. for

Question 4. A. out

B. on

C. off

D. in

VIII.2

Announcement: Volunteer Clean-Up Day

Dear Community Members,

We are pleased to invite you to our Volunteer Clean-Up Day on September 5th at (1) _____ River Park. The event aims to make our local park (2) _____ cleaner and more enjoyable place for everyone. We will be providing all necessary cleaning supplies, so just bring yourselves and a willingness to help!

The clean-up will start at 9 AM and finish around 1 PM. Volunteers will also be treated to a light lunch and (3) _____. This is a great opportunity to contribute to our community and meet (4) _____ friends.

We look forward to seeing you there!

Best wishes,

Event Coordinators

1. a) a

b) an

c) the

d) no article

2. a) on

b) with

c) a

d) the

3. a) drinks

b) a gift

c) lunch boxes

d) refreshments

4. a) new

b) happy

c) rich

d) arrogant

IX. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

IX.1.

From: minh@fastmail.com

To: sarah@bamboomail.com

Subject: Exploring my community

Hi Sarah,

I hope you're doing well! You mentioned that you were curious about the places of interest in my community, so I wanted to share some details with you.

I live (1) _____ a small town near Da Nang. (2) _____ it's not a big city, there are many interesting spots to explore. Close to my house, there's a beautiful lake surrounded by (3) _____ gardens. Every morning, people come here to (4) _____ the sunrise, jog, and even practice yoga. I often come here with my parents for a morning walk. Another popular spot in our community is the local market. It's always lively and full of fresh produce. The market also offers (5) _____ cultural events during the weekends, like traditional music performances and craft workshops. Because of this, it's a favorite hangout for both locals and tourists. When you visit Da Nang, I'll show you around these places. I'd love to hear about the spots you like to visit in your area in your next email.

Take care,

Minh

1. A. on

B. in

C. of

D. with

2. A. Although

B. However

C. Besides

D. But

- | | | | |
|---------------|-------------|----------------|--------------|
| 3. A. vibrant | B. vibrancy | C. vibrantness | D. vibrantly |
| 4. A. enjoy | B. take | C. bring | D. give |
| 5. A. many | B. several | C. few | D. much |

IX.2.

It's not easy to manage school and life, but with some good time (1) _____ techniques, it's possible to achieve a study-life balance. Here are some tips for secondary-school students. Firstly, (2) _____ a schedule. Plan your week in advance, allocating specific times for studying, attending classes, and doing homework. You should also include breaks and time for relaxation or hobbies. Secondly, learn to prioritise. You should identify the most important tasks and focus on those first. If necessary, you can delay less urgent activities until you've finished your important tasks. Remember that it's okay to say no sometimes if you feel overwhelmed. Thirdly, take (3) _____ of any free time during the day. For example, you can use long bus journeys to read or review notes. It is also (4) _____ to get small tasks done during short breaks between classes. Finally, don't be too hard on yourself if you can't do everything perfectly. It's normal to occasionally feel (5) _____ out. In these situations, you can consider talking to a teacher or school counsellor for support.

- | | | | |
|------------------|------------|-------------------|--------------|
| 1. A. limitation | B. period | C. management | D. awareness |
| 2. A. give | B. make | C. work | D. hold |
| 3. A. advantage | B. action | C. responsibility | D. moment |
| 4. A. advise | B. advice | C. advising | D. advisable |
| 5. A. stressed | B. nervous | C. anxious | D. negative |

X. Read the following text and choose the best answer for the questions below.

X.1

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Traffic jams and pollution are two big problems in the city. Traffic jams occur when there are too many cars on the roads, making it difficult for people to move around quickly. To solve this, cities can encourage people to use public transportation, like buses or trains, instead of driving their own cars. This would **reduce** the number of vehicles on the roads, easing traffic congestion. **Pollution** is another issue in cities because there is too much dirty air from vehicles and factories. One solution for this problem is to plant more trees and create more green spaces in the city. Trees provide oxygen and clean the air. By increasing the number of trees, cities can improve air quality and make the environment healthier for everyone. In conclusion, we all need to work together to solve the problems of traffic and pollution. By using public transportation and starting green projects like planting trees, we can make our city environment more sustainable and enjoyable.

1. Which title best suits the passage?

- | | |
|--|---|
| A. The Benefits of Public Transportation | B. Solutions for City Traffic and Pollution |
| C. The Importance of Green Spaces | D. The Role of Factories in Pollution |

2. What is one method suggested to reduce traffic congestion?

- | | |
|--|--------------------------------------|
| A. Expanding road networks | B. Increasing the number of vehicles |
| C. Encouraging public transportation use | D. Building more factories |

3. The word "**pollution**" in the passage is CLOSEST in meaning to _____.

- | | | | |
|----------------|------------------|-----------|--------------|
| A. cleanliness | B. contamination | C. purity | D. freshness |
|----------------|------------------|-----------|--------------|

4. What can cities do to improve air quality?

- | | | | |
|----------------|-------------------------|----------------|--------------|
| A. build roads | B. drive their own cars | C. plant trees | D. buy buses |
|----------------|-------------------------|----------------|--------------|

5. The word "**reduce**" in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

- | | | | |
|-------------|-----------|-------------|------------|
| A. decrease | B. return | C. increase | D. go down |
|-------------|-----------|-------------|------------|

6. Which of the following is not mentioned in the passage?

- | |
|---|
| A. Planting more trees to improve air quality. |
| B. Using public transportation to reduce traffic. |

- C. Expanding industrial zones to increase production.
- D. Creating more green spaces in the city.

X.2

In many towns and cities, there are various places of interest that contribute to the local community's charm and vibrancy. One prominent feature is the local park, which often includes amenities like playgrounds, walking trails, and picnic areas. These parks serve as a gathering spot for residents of all ages to enjoy outdoor activities and socialize with neighbors.

Another significant location is the community center, which offers a range of activities such as art classes, fitness programs, and cultural events. This center plays a crucial role in bringing people together and fostering a sense of belonging. Additionally, many communities have local markets where residents can purchase fresh produce and handmade goods, supporting local artisans and farmers.

Libraries are also essential in many communities, providing access to books, educational resources, and various programs for children and adults. They often host events like book clubs and workshops, which enhance community engagement and learning.

These places not only offer recreational and educational opportunities but also help in building strong community bonds. When you visit a well-maintained community, you will notice the **positive impact** these facilities have on enhancing the quality of life for its residents.

1. According to the passage, one of the main features of a local park is _____.
 A. a swimming pool
 B. a community center
 C. playgrounds and picnic areas
 D. a library
2. The community center is important because it _____.
 A. sells fresh produce
 B. offers various activities and events
 C. provides educational resources
 D. hosts book clubs and workshops
3. Local markets benefit the community by _____.
 A. providing educational resources
 B. supporting local artisans and farmers
 C. offering a range of fitness programs
 D. enhancing the charm of the community
4. Libraries contribute to the community by _____.
 A. serving as a gathering spot for social events
 B. hosting art classes and cultural events
 C. providing access to books and educational programs
 D. offering playgrounds and walking trails
5. The phrase "positive impact" in the passage most likely means _____.
 A. a negative effect
 B. a significant advantage
 C. an indifferent result
 D. a small change

XI. Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that fits each of the numbered blanks.

XI.1

- A. there is a need to manage tourism carefully
- B. Many travellers choose to visit Vietnam for its unique charm
- C. as it provides income and supports their culture
- D. Some prefer to visit rural areas to experience local life

Vietnam is a beautiful country with many diverse landscapes, from mountains to beaches. Tourists from around the world come to explore its natural beauty and rich culture. (1) Popular destinations like Ha Long Bay, Hoi An, and Sa Pa attract millions of visitors each year. Each region in Vietnam offers unique experiences. (2) Visitors can enjoy traditional Vietnamese food, explore ancient temples, or take part in local festivals. However, with the increasing number of tourists. (3) It is important to develop sustainable tourism practices to protect these beautiful sites. Local communities also benefit from tourism, (4) by selling local products and offering homestay experiences.

1.

2.

3.

4.

XI.2

A. Conserving water helps ensure that there is enough for everyone

B. is harmful to oceans and marine life

C. We need to protect animals from losing their habitats

D. Reducing air pollution improves the quality of the air we breathe

Environmental pollution is a growing problem around the world. One major cause of pollution is plastic waste, which (1) To reduce plastic waste, people should use reusable bags and bottles. Another important action is reducing air pollution. (2) This can be done by using public transportation, walking, or biking instead of driving. Protecting wildlife is also essential for the environment. (3) Animals play an important role in maintaining the balance of nature. Lastly, conserving water is crucial. (4) Simple actions like turning off the tap while brushing your teeth can make a big difference.

1.

2.

3.

4.

XII. Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. Ella was so tired that she couldn't finish her performance.

A. Ella was too exhausted to finish her performance.

B. Ella finished her performance despite being tired.

C. Ella was tired, but she managed to finish her performance.

D. Ella was very energetic and completed her performance.

2. Stop eating junk food or you will gain weight.

A. Avoid junk food to prevent weight gain.

B. If you keep eating junk food, you will lose weight.

C. Eating junk food is fine if you want to gain weight.

D. You can eat junk food without any consequences.

3. The management does not accept responsibility for property left in the hall.

A. You cannot bring your luggage into the hall.

B. You must look after your things in the hall yourself.

C. You should give your things in the hall to the manager.

D. You should lock things in your suitcase in the hall.

4. No houses in the street are as beautiful as this one.

A. This is one of the most beautiful houses in the street.

B. This house is more beautiful than that one in the street.

C. No houses in the street are more beautiful than this one.

D. This house is as beautiful as the others in the street.

5. My grandfather started collecting stamps when he was 65.

A. My grandfather took up collecting stamps when he was 65.

B. Collecting stamps was my grandfather's hobby when he was 65.

C. At the age of 65, my grandfather was collecting stamps.

D. My grandfather hasn't collected stamps until he was 65.

XIII. Read the following sentences and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

1. He/ drive/ dangerous/ his brother.

A. He drives the car more dangerous than his brother does.

B. He drives the car more dangerously than his brother did.

C. He drives the car more dangerously than his brother does.

D. He drives the car more dangerously than his brother is.

2. By / make / small changes / our energy use / we / can / make / big / difference / the environment.
 A. By to make small changes on our energy use, we can make big difference for the environment.
 B. By making small changes in our energy use, we can make a big difference for the environment.
 C. By making small changes on our energy use, we can make big difference for the environment.
 D. By to make small changes on our energy use, we can make a big difference for the environment.
3. what / often / do / Saturday / afternoon /?
 A. What often you do on Saturday afternoon?
 B. What do you often do on Saturday afternoon?
 C. What do you often do in Saturday afternoon?
 D. What did you often do on Saturday afternoon?
4. I / sometimes come / see my friend / borrow/book
 A. I came sometimes to see my friend and borrow a book.
 A. I sometimes will come to see my friend and borrow a book.
 C. I sometimes come to see my friend and borrow a book.
 D. To see my friend sometimes I come to borrow a book.
5. prefer / go to school / bike / walking
 A. I prefer to go to school by bike than walking.
 A. I don't prefer going to school by bike but walking.
 C. I prefer to go to school by bike more than to walk.
 D. I prefer going to school by bike to walking.
6. Difficult / exercise / is, / Ba / should / try.
 A. The more difficult the exercise is, the more Ba should try.
 B. The difficult the exercise are, the more Ba should try.
 C. The most difficult the exercise is, the more Ba should try.
 D. More difficult the exercise is, the more Ba should try.
7. If/ recycle more /help/the Earth
 A. If we are recycling more, we help the Earth.
 B. If we recycle more, we helped the Earth.
 C. If we recycled more, we will help the Earth.
 D. If we recycle more, we will help the Earth.

XIV. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

1. - "Thanks a lot for the lovely dinner." - "_____"
 A. You're welcome. B. It's all right. C. Thank you too. D. Please don't say so.
2. - "I'm getting a bit overweight." - "_____"
 A. You might eat a bit more. B. You shouldn't eat so much.
 C. You can't be hungry now. D. You need more nutritious food.
3. - "_____ do you get to school?" - "By bike."
 A. What B. How C. How often D. How far
4. - "Did you enjoy the film?" - "_____"
 A. It was not a good comedy. B. I didn't go home early.
 C. Yes, it was such a nice film. D. No, I was at my friend's house.
5. - "Happy Christmas!" - "_____"
 A. You are the same! B. That's alright.
 C. The same to you! D. Thank you very much.
6. - "How was your excursion last Sunday?" - "_____"
 A. It was wonderful. B. It's very kind of you.
 C. That would be great. D. It's my pleasure.

MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

A. Phạm vi ôn tập

I. Nội dung kiến thức:

- Sống có lí tưởng.
- Khoan dung.
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

II. Các dạng câu hỏi: Câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận.

B. Cấu trúc đề kiểm tra: 50% trắc nghiệm. 50% tự luận

C. Một số dạng câu hỏi

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Điền vào chỗ chấm: “Lí tưởng là mục đích ... mà con người mong muốn đạt tới.”

- A. quan trọng nhất B. cao đẹp nhất C. đẹp dễ nhất D. mãnh liệt nhất

Câu 2: Biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên là gì?

- A. Sợ khó trong học tập.
B. Luôn khắc phục mọi khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.
C. Bị cám dỗ bởi các chất kích thích nguy hiểm.
D. Đua đòi, chạy theo những xu hướng trên mạng xã hội.

Câu 3: Câu thành ngữ nào sau đây thể hiện phẩm chất của người có lí tưởng sống cao đẹp?

- A. Dễ làm, khó bỏ. C. Phận ai người ấy lo.
C. Thắng không kiêu, bại không nản. D. Nước đến chân mới nhảy.

Câu 4: Việc làm nào dưới đây biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên?

- A. Bị cám dỗ bởi những nhu cầu tầm thường.
B. Không có kế hoạch phấn đấu, rèn luyện bản thân.
C. Sợ khó, sợ khổ vì mình còn nhỏ tuổi.
D. Luôn khắc phục khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

Câu 5: Sống có lí tưởng có ý nghĩa gì đối với đất nước?

- A. Giúp mỗi người có động lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu.
B. Góp phần xây dựng nước giàu mạnh, văn minh.
C. Được xã hội công nhận, tôn trọng.
D. Trở thành người có năng lực, bản lĩnh.

Câu 6: Trước những cám dỗ tầm thường, thanh niên, học sinh trung học cơ sở cần lựa chọn thái độ nào dưới đây?

- A. Luôn vững vàng ý chí, lập trường. B. Bị dao động trước những lời rêu rề.
B. Làm theo sự điều khiển. D. Học đòi, bắt chước.

Câu 7: Một số bạn học sinh lớp 9 đã xác định rằng: Do lực học hạn chế, gia đình khó khăn, sau khi học xong lớp 9 các bạn sẽ học nghề, tìm kiếm việc làm nuôi bản thân, giúp đỡ gia đình. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến trên? Vì sao?

- A. Em đồng ý, vì làm vậy cho thấy các bạn biết lo cho gia đình.
B. Em không đồng ý, vì các bạn không cố gắng để học tập.
C. Em đồng ý, vì các bạn thể hiện ý thức trách nhiệm với chính bản thân, gia đình và xã hội.
D. Em không đồng ý, các bạn không có định hướng cho tương lai.

Câu 8: Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về câu nói: “Cống hiến thì nhìn về phía trước, hưởng thụ thì nhìn về phía sau”?

- A. Cống hiến là việc làm đầu tiên.
B. Biết sống hưởng thụ khi còn trẻ.
C. Biết nhìn về tương lai.
D. Phải biết hướng về cội nguồn, xác định mục đích lí tưởng để sống và cống hiến.

Câu 9: Có ý kiến cho rằng: “Học sinh trung học cơ sở đang tuổi ăn, tuổi chơi thì nên biết tranh thủ ăn, chơi, hưởng thụ. Còn việc học hành, làm việc, cống hiến là việc làm suốt đời”. Em sẽ lựa chọn phương án nào dưới đây?

- A. Em đồng ý vì học không chơi là sống hoài, sống phí.
- B. Em không đồng ý vì học sinh cần thể hiện lí tưởng sống từ khi còn nhỏ, phấn đấu học tập, rèn luyện các phẩm chất cần thiết ở mọi lúc, mọi nơi.
- C. Em đồng ý vì tuổi xuân sẽ chẳng bao giờ thắm lại nếu chỉ học mà không chơi sẽ làm cho tuổi trẻ trôi qua một cách vô ích.
- D. Em không đồng ý vì học không chơi đánh rơi tuổi trẻ, chơi không học bán rẻ tương lai.

Câu 10: Sống cởi mở, gần gũi với mọi người và cư xử một cách chân thành, rộng lượng, biết tôn trọng nhau là biện pháp rèn luyện để trở thành người:

- A. Có lòng khoan dung.
- B. Có lòng yêu tổ quốc.
- C. Có lòng hiếu thảo với bố mẹ.
- D. Có lòng biết ơn.

Câu 11: Hành vi nào sau đây là biểu hiện của khoan dung?

- A. M thường xuyên nói xấu H với các bạn trong lớp.
- B. T luôn giúp K giảng bài toán khó để bạn tiến bộ.
- C. F luôn tỏ ra cáu gắt khi người khác làm sai ý mình.
- D. K che dấu lỗi lầm của M để bạn không bị phạt.

Câu 12: Nhận định nào sau đây sai khi nói về lòng khoan dung?

- A. Khoan dung là một đức tính quý báu của con người.
- B. Người khoan dung luôn sống cởi mở và chân thành.
- C. Khoan dung tạo nên những mối quan hệ lành mạnh.
- D. Người khoan dung không được mọi người yêu quý.

Câu 13: Câu danh ngôn nào sau đây không nói về lòng khoan dung?

- A. Kết quả cao nhất của giáo dục là khoan dung.
- B. Hãy từ tế, bởi bất cứ ai bạn gặp đều đang chiến đấu một cuộc chiến khó khăn hơn.
- C. Nếu không muốn nghe lời xấu thì đừng nói lời xấu.
- D. Tâm không hay hờn giận/Chẳng oán trách thù ai/Lòng khoan dung rộng rãi/Ấy là cảnh bồng lai.

Câu 14: Trong kỳ thi học kì I, D đã sử dụng tài liệu và đã bị thầy cô phát hiện. Sau đó D bị đánh dấu bài và lớp bị ảnh hưởng thi đua. Trong trường hợp này theo em, cô giáo chủ nhiệm và các bạn nên ứng xử như thế nào?

- A. Xa lánh bạn D.
- B. Phạt thật nặng bạn D để lần sau bạn không tái phạm.
- C. Đề nghị với nhà trường cho bạn D chuyển lớp.
- D. Khoan dung với D và cho D có cơ hội sửa sai.

Câu 15: Ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng đối với cá nhân là gì?

- A. Giúp đỡ được các hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.
- B. Rèn luyện kĩ năng sống, sự trưởng thành, có trách nhiệm.
- C. Tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng.
- D. Phát huy sức mạnh, trí tuệ tập thể của các lực lượng khác nhau trong cộng đồng.

Câu 16: Những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể nhằm mang lại lợi ích chung cho cộng đồng là:

- A. Hoạt động thể chất.
- B. Hoạt động cộng đồng.
- C. Hoạt động văn hóa.
- D. Hoạt động tập thể.

Câu 17: Để học sinh tham gia các hoạt động cộng đồng, nhà trường cần làm gì?

- A. Tạo điều kiện và môi trường thoải mái cho học sinh tham gia.
- B. Nghiêm cấm hành vi tham gia các hoạt động xã hội, ảnh hưởng việc học.
- C. Thờ ơ, không quan tâm hoạt động ngoại khóa của học sinh.
- D. Không hướng dẫn, giúp đỡ học sinh tham gia các hoạt động cộng đồng ở trường.

Câu 18: Hoạt động nào không phải là hoạt động cộng đồng?

- A. Tham gia các tổ chức mua bán, vận chuyển chất cấm.
- B. Ủng hộ quần áo cho đồng bào miền Trung bị lũ lụt.
- C. Tham gia chương trình “Hiến máu nhân đạo”.
- D. Tích cực tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, cảnh quan khu xóm.

Câu 19: Những lưu ý khi lựa chọn một hoạt động cộng đồng để tham gia là gì?

- A. Phù hợp với sức khỏe, năng lực và thời gian của bản thân.
- B. Thích là tham gia, không quan tâm đến những cái khác.
- C. Tìm kiếm trên internet, thấy cái nào hay ho là tham gia.
- D. Hoạt động nào có ích cho bản thân thì tham gia.

Câu 20: Nhà trường H đã vận động các em học sinh cùng quyên góp quần áo, sách vở cũ để ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở vùng cao. Em suy nghĩ gì về việc làm của trường H?

- A. Đồng tình, vì đây là việc làm thiết thực, thể hiện trách nhiệm của nhà trường trong việc tham gia hoạt động cộng đồng.
- B. Không đồng tình với việc làm của nhà trường, vì đây là việc làm tốn thời gian và công sức.
- C. Đồng ý, vì sau hoạt động này sẽ mang lại tiếng vang cho nhà trường.
- D. Không đồng tình, vì học sinh chưa kiếm ra tiền để ủng hộ.

Câu 21: Q và S là bạn học cùng lớp. Q thấy S tham gia các hoạt động cộng đồng rất tích cực và đôi khi còn nghỉ học để tham gia nếu hoạt động đó trùng lịch học. Nếu em là Q thì em sẽ làm gì để xử lý tình huống này?

- A. Ủng hộ S tiếp tục tham gia các hoạt động cộng đồng vì rất ý nghĩa.
- B. Nói với cô giáo để cô phạt S vì nghỉ học để tham gia việc khác.
- C. Nói chuyện với gia đình S để có biện pháp xử lý việc này.
- D. Nói chuyện với S, khuyên S nên biết cân bằng giữa việc học và tham gia hoạt động

Câu 22: Đoàn Thanh niên phát động phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” để dọn dẹp đường làng, ngõ xóm. Em muốn vận động người thân và bạn bè cùng tham gia. Cách vận động, thu hút các thành viên tham gia hoạt động xã hội trong tình huống trên là gì?

- A. Tuyên truyền mọi người tích cực tham gia để làm đẹp cho đường làng, ngõ xóm.
- B. Động viên, tạo năng lực tích cực cho mọi người trong quá trình tham gia hoạt động.
- C. Chuẩn bị đồ ăn, nước uống trong quá trình di chuyển.
- D. Tìm hiểu trước địa điểm, hoàn cảnh của em nhỏ, chia sẻ với mọi người đầy đủ thông tin

II. Câu hỏi tự luận

Câu 1: Lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam ngày nay là gì? Trách nhiệm của học sinh trong việc xác định lí tưởng sống như thế nào?

Câu 2: Em hãy nêu ý nghĩa của lòng khoan dung. Nêu bốn biểu hiện của em thể hiện lòng khoan dung?

Câu 3: Em hãy nêu ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng? Hãy kể tên những hoạt động xã hội mà em đã tham gia?

Câu 4: Do gây tai nạn nghiêm trọng trong một lần ngủ gật khi đang lái xe khách, anh H phải chấp hành hình phạt tù. Sau khi chấp hành hình phạt, trở về nhà, anh thường lùi thui một mình, không dám giao tiếp với ai vì ngại bị phân biệt, kì thị./.

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Trình bày được đặc trưng của VB thơ, thơ song thất lục bát và truyện thơ Nôm.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: Thơ và thơ song thất lục bát.

Xác định và phân tích được một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát như: số dòng, số chữ, vần và nhịp trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát. Biết vận dụng kiến thức lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.

Bài 2: Truyện thơ Nôm

Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

II. Phần tiếng Việt

Có một số hiểu biết ban đầu về chữ viết tiếng Việt (chữ Nôm và chữ Quốc ngữ).

Nhận biết và phân tích được tác dụng của điển cố, điển tích.

Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, câu hỏi tu từ, ...

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết đoạn văn nghị luận văn học.

Dạng 2: Viết bài văn nghị luận xã hội.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Đề 1: Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng đặc đặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi tay lại cầm tay,
Bước đi một bước giây giây lại dừng.

(Trích Chinh phụ ngâm khúc, Đặng Trần Côn, Bản dịch: Đoàn Thị Điểm)

- Câu 1. Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.
- Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích.
- Câu 3. Đoạn trích miêu tả sự việc gì?
- Câu 4. Chỉ ra những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích, qua đó em cảm nhận được bức tranh thiên nhiên đó như thế nào?
- Câu 5. Chỉ ra những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích? Theo em, từ "dặc dặc buồn" có giá trị biểu đạt như thế nào?
- Câu 6. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ sử dụng trong hai câu thơ sau:

Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.

- Câu 7. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?
- Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.

- Câu 8. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

II. VIẾT (6.0đ)

- Câu 1. (2.0 đ) Viết đoạn văn phối hợp phân tích đoạn ở phần đọc hiểu trên.
- Câu 2. (4.0 đ) Từ nội dung đoạn trích gợi ra, hãy viết bài văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) về những nỗi đau mà chiến tranh gây ra cho con người.

Đề 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

BÁNH TRÔI NƯỚC (Hồ Xuân Hương)

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.”

- Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?
- Câu 2: Bài thơ trên có hai lớp nghĩa: nghĩa tả thực và nghĩa ẩn dụ, hãy chỉ rõ hai lớp nghĩa đó.
- Câu 3: Xác định thành ngữ có trong bài thơ và nêu tác dụng của thành ngữ.
- Câu 4: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”.
- Câu 5: Cụm từ “tấm lòng son” ở câu thơ cuối cho em hiểu thêm gì về phẩm chất của người phụ nữ?
- Câu 6: Cho biết chủ đề và đề tài của bài thơ trên.
- Câu 7: Bài thơ “Bánh trôi nước” muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì? (Trình bày dưới dạng đoạn văn 5-7 câu).

II. VIẾT (6.0đ)

Câu 1. (2.0 đ) Viết đoạn văn phối hợp phân tích bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương.

Câu 2. (4.0 đ) Từ nội dung đoạn trích gợi ra, hãy viết bài văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại.

Đề 3: Khi khắc họa bức chân dung của Thúy Kiều, Nguyễn Du viết:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một tài đành họa hai
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Câu 1: Xác định thành ngữ có trong đoạn thơ trên? Em hiểu thành ngữ đó như thế nào?

Câu 2: Em hiểu thế nào về hình tượng “thu thủy”, “xuân sơn”. Qua đây, em có cảm nhận như thế nào về nhan sắc của Kiều?

Câu 3: Theo em, trong câu “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”? có nên thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” không? Vì sao?

Câu 4: Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

Câu 5: Nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích được khắc họa với những vẻ đẹp nào? Từ đó hãy đánh giá tình cảm, thái độ của tác giả thể hiện trong đoạn trích.

II. VIẾT (6.0đ)

Câu 1. (2.0 đ) Viết đoạn văn phối hợp phân tích đoạn thơ ở phần đọc hiểu.

Câu 2. (4.0 đ) Từ nội dung đoạn trích gợi ra, hãy viết bài văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại.

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
GIỮA HỌC KỲ I
KHỐI 9

Họ tên học sinh:

Lớp:

Năm học 2024-2025

**PHÒNG GD&ĐT LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM**

**LỊCH KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2024-2025**

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết	Môn kiểm tra	Ghi chú
8	2	28.10	4	Công nghệ	
	3	29.10	3,4	Lịch sử & địa lý	- Thời gian kiểm tra 60 phút - Sau khi thu bài, tiết 4 học theo TKB
	4	30.10	2	Tin học	
			4	GD&P	
	5	31.10	3,4	KHTN	Thời gian kiểm tra 90 phút.
	6	01.11	2	Công dân	
			4	HĐTN	Thời gian kiểm tra 60 phút
9	3	05.11	3,4	Ngữ văn	Thời gian kiểm tra 90 phút
	5	07.11	3,4	Toán	Thời gian kiểm tra 90 phút
	6	08.11	3,4	Tiếng Anh	- Thời gian kiểm tra 60 phút - Sau khi thu bài, tiết 4 học theo TKB

***Ghi chú:**

Các môn GDTC, nghệ thuật: GVBM tự bố trí kiểm tra trong tuần 7.

TOÁN 9

A. Nội dung ôn tập

- Chương I: Phương trình và hệ phương trình bậc nhất
- Chương II: Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn
- Chương III: Hệ thức lượng trong tam giác vuông

B. Cấu trúc đề thi: 100% tự luận

C. Hệ thống bài tập tham khảo:

DẠNG 1: GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH

$$1) \begin{cases} 3x + y = 0 \\ x + 2y = 5 \end{cases}$$

$$2) \begin{cases} -4x + 5y = 8 \\ 2x - y = 2 \end{cases}$$

$$3) \begin{cases} 2x - 3y = 5 \\ 4x + 6y = 7 \end{cases} \quad 4)$$

$$\begin{cases} \frac{1}{2}x + \frac{9}{4}y = \frac{1}{2} \\ \frac{2}{3}x - \frac{3}{4}y = -1 \end{cases}$$

$$5) \begin{cases} 0,3x + 0,5y = 3 \\ 1,5x - 2y = 1,5 \end{cases}$$

$$6) \begin{cases} \frac{x}{2} + \frac{y}{3} = \frac{11}{12} \\ 4x - 2y = 5 \end{cases}$$

$$7) \begin{cases} 5 \cdot (x + 2) = 2 \cdot (y + 7) \\ 3 \cdot (x + y) = 17 - x \end{cases}$$

$$8) \begin{cases} xy - (x + 3) \cdot (y - 5) = 43 \\ (3x - 1) \cdot (y - 2) = -27 + 3xy \end{cases}$$

$$9) \begin{cases} \frac{3}{x} - \frac{4}{y} = 2 \\ \frac{4}{x} - \frac{5}{y} = 3 \end{cases}$$

B. GIẢI PHƯƠNG TRÌNH VÀ BẤT PHƯƠNG TRÌNH

Bài 1: Giải các phương trình sau

$$1) (x - 1) \cdot (3x + 6) = 0$$

$$2) 9x^2 \cdot (-x - 7) = 0$$

$$3) (-x + 1) \cdot (x^2 - 9) = 0$$

$$4) 2x \cdot (x^2 + 1) = 0$$

$$5) x^2 - 7x + 10 = 0$$

$$6) 2x^2 - 7x + 6 = 0$$

$$7) -x^2 + 4x - 3 = 0$$

$$8) (2x + 3)^2 = (x - 5)^2$$

$$9) (3x - 2) \cdot (x + 1) = x^2 - 1$$

$$10) (6x - 7) \cdot (3x + 4) = (7 - 6x) \cdot (x - 1)$$

Bài 2: Giải các phương trình sau

$$1) \frac{1}{x} + \frac{1}{2x} = \frac{3}{2}$$

$$2) \frac{3x}{4x - 3} = -2$$

$$3) \frac{x^2 - 6}{x} = x + \frac{3}{2}$$

$$4) \frac{x}{x - 2} = \frac{2}{x - 2} + 7$$

$$5) \frac{2x + 1}{x + 1} + \frac{2}{x} = \frac{2}{x \cdot (x + 1)}$$

$$6) \frac{x + 2}{x - 2} - \frac{x - 2}{2 + x} = \frac{x^2 + 16}{x^2 - 4}$$

$$7) \frac{1}{x} - \frac{x+4}{x-4} = \frac{4}{4x-x^2}$$

$$8) \frac{2x-5}{x+4} + \frac{x}{4-x} = \frac{-17+56}{x^2-16}$$

Bài 3: Giải các bất phương trình sau

$$1) 8x + 2 < 7x - 1$$

$$2) 3x - 8 > 4x - 12$$

$$3) 3 \cdot (x - 2) - 5 \geq 3 \cdot (2x - 1)$$

$$4) 5x - 7 \cdot (2x - 5) < 2 \cdot (x - 1)$$

$$5) (x - 1)^2 < x \cdot (x + 3)$$

C. GIẢI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PT – HỆ PT

Bài 1. Một ô tô và một xe máy ở hai địa điểm A và B cách nhau 180km, khởi hành cùng một lúc đi ngược chiều nhau và gặp nhau sau 2 giờ. Biết vận tốc của ô tô lớn hơn vận tốc của xe máy là 10km/h. Tính vận tốc của mỗi xe?

Bài 2. Một người đi ô tô từ A đến B với vận tốc 60km/h. Sau khi đến B và nghỉ lại ở đó 30 phút, ô tô lại đi từ B về A với vận tốc 40km/h. Tổng thời gian cả đi lẫn về là 8 giờ 15 phút (bao gồm cả thời gian nghỉ). Tính quãng đường AB

Bài 3. Bạn An đi từ nhà đến trường với vận tốc 9 km/h. Khi đi từ trường về nhà An phải đi đường khác qua nhà bạn Bình để đưa vở cho Bình. Biết đường này dài hơn đường cũ 6 km. Do An đi với vận tốc lớn hơn vận tốc lúc đi 3 km/h nên thời gian về ít hơn thời gian đi là 20 phút. Tính chiều dài quãng đường từ nhà tới trường lúc đi của An?

Bài 4. Một công nhân dự kiến mỗi ngày làm 60 sản phẩm. Do cải tiến kỹ thuật mỗi ngày người đó đã làm 80 sản phẩm vì vậy anh đã hoàn thành sớm 2 ngày và còn làm thêm được 40 sản phẩm nữa. Tính số sản phẩm anh công nhân phải làm theo kế hoạch.

Bài 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 100m. Nếu tăng chiều rộng thêm 3m và giảm chiều dài đi 4m thì diện tích mảnh vườn giảm $2m^2$. Tính diện tích mảnh vườn lúc đầu.

Bài 6. Ông Ba có 900 triệu. Ông dùng một phần tiền này để gửi ngân hàng với lãi suất 7,5% một năm. Phần còn lại ông góp vốn với một người bạn để kinh doanh. Sau 1 năm ông thu về cả vốn lẫn lãi từ 2 nguồn tiền trên là 1 tỷ 20 triệu đồng. Biết tiền lãi kinh doanh bằng 25% số tiền vốn ban đầu. Tính số tiền ông Ba gửi ngân hàng và số tiền cùng bạn góp vốn kinh doanh.

Bài 7. Chị My và chị Thanh đi mua áo sơ mi và quần tây tại một cửa hàng thời trang. Chị My mua 4 chiếc áo sơ mi và 3 chiếc quần tây giá 2,4 triệu đồng. Chị Thanh mua 3 chiếc áo sơ mi và 1 chiếc quần tây giá 1,15 triệu đồng. Hỏi giá bán 1 chiếc áo sơ mi và 1 chiếc quần tây là bao nhiêu biết tất cả áo sơ mi đồng giá và tất cả các quần tây đồng giá.

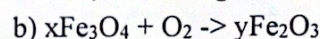
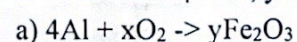
Bài 8. Một đoàn khách du lịch gồm 40 người dự định tham quan đỉnh núi Bà Đen, nóc nhà Đông Nam Bộ bằng cáp treo khứ hồi (gồm lượt lên và lượt xuống). Nhưng khi tới nơi có 5 bạn trẻ muốn khám phá bằng đường bộ khi leo lên còn lúc xuống sẽ đi cáp treo để trải nghiệm nên 5 bạn chỉ mua vé lượt xuống, do đó đoàn đã chi ra 9.450.000

đồng để mua vé. Hỏi giá cáp treo khứ hồi và giá vé 1 lượt là bao nhiêu? Biết rằng giá vé 1 lượt rẻ hơn giá vé khứ hồi là 110.000 đồng

Bài 9. Một chi đoàn thanh niên tham gia chương trình: Tết trồng cây dự định mỗi ngày trồng 100 cây. Nhưng thực tế mỗi ngày chi đoàn trồng vượt 20 cây vì vậy chi đoàn đã trồng hoàn thành số cây sớm hơn dự định 1 ngày. Tính số cây chi đoàn phải trồng theo kế hoạch.

Bài 10. Hai dung dịch có khối lượng tổng cộng bằng 220 kg. Lượng muối trong dung dịch I là 5 kg, lượng muối trong dung dịch II là 4,8 kg. Biết nồng độ % muối trong dung dịch I nhiều hơn nồng độ muối trong dung dịch II là 1%. Tính khối lượng mỗi dung dịch nói trên.

Bài 11. Tìm hệ số x, y trong phản ứng hóa học đã được cân bằng sau:



D. HÌNH HỌC

Bài 1: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có $AB = 9\text{cm}$, $\widehat{C} = 30^\circ$.

a) Giải tam giác vuông ABC

b) Kẻ đường cao AH của tam giác $\triangle ABC$ ($H \in BC$). Tính AH, CH

c) Kẻ AD là phân giác $\widehat{BAC}$ ($D \in BC$). Tính AD (Kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

Bài 2: Cho $\triangle ABC$ vuông cân tại A có $AB = a$.

a) Tính độ dài các cạnh AC, BC theo a.

b) Kẻ đường cao AH. Tính AH theo a và các tỷ số lượng giác $\widehat{BAH}$

Bài 3. Cho tam giác ABC vuông tại A đường cao AH

a) Biết $AB = 4\text{cm}$, $AC = 4\sqrt{3}\text{ cm}$. Giải tam giác vuông ABC

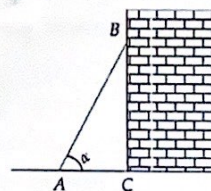
b) Kẻ HD, HE lần lượt vuông góc với AB, AC (D thuộc AB, E thuộc AC).

Chứng minh: $BD \cdot DA + CE \cdot EA = AH^2$

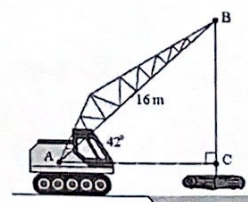
c) Lấy điểm M nằm giữa E và C, kẻ AI vuông góc MB tại I. Chứng minh:

$$\sin \widehat{AMB} \cdot \sin \widehat{ACB} = \frac{HI}{CM}$$

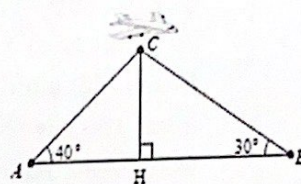
Bài 4: Một cái thang khi dựa vào tường thì góc α giữa thang và mặt đất trong khoảng từ 60° đến 65° thì an toàn. Hỏi một cái thang AB dài 3m dựng vào tường thì chân thang A cách chân tường C trong khoảng nào thì an toàn (Làm tròn đến hàng phần trăm)



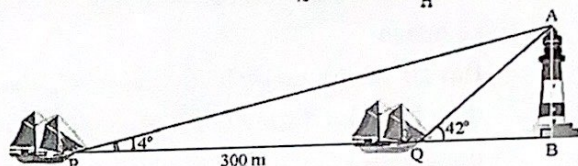
Bài 5: Một cần cẩu nâng một khối gỗ trên sông biết tay cẩu AB có chiều dài 16m và nghiêng góc 42° so với phương nằm ngang. Tính chiều dài BC của đoạn dây cáp



Bài 6: Điểm hạ cánh của máy bay trực thăng ở giữa hai người quan sát A và B. Biết $CH = 342\text{m}$. Tính khoảng cách giữa hai người này (Kết quả làm tròn đến mét)



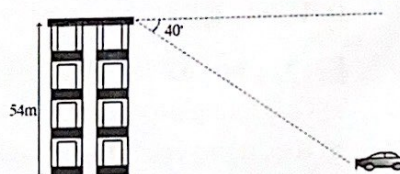
Bài 7: Hai con thuyền P và Q cách nhau 300m và thẳng hàng với chân B của tháp hải đăng trên bờ biển. Từ P và Q người ta nhìn thấy hải đăng dưới $\widehat{BPA} = 14^\circ$ và $\widehat{BQA} = 42^\circ$. Đặt $h = AB$.



a) Tính BQ và BP theo h

b) Tính chiều cao của tháp hải đăng (Kết quả làm tròn đến hàng phần mười)

Bài 8: Một người đứng trên tầng cao của toàn nhà với độ cao 54m nhìn thấy một xe ô tô dưới đất với góc nghiêng 40° so với phương ngang. Hỏi chiếc ô tô cách tòa nhà bao nhiêu mét (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)



TIN HỌC 9

I. Nội dung ôn tập

1. Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng.

+ Thế giới kỹ thuật số

2. Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

+ Thông tin trong giải quyết vấn đề.

+ Đánh giá chất lượng thông tin.

3. Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.

+ Một số vấn đề pháp lý về sử dụng dịch vụ Internet.

II. Câu hỏi và bài tập.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Em hãy chọn câu trả lời đúng.

Câu 1: Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực như thế nào đến sức khỏe thể chất của con người?

- A. Khiến con người trở nên thụ động.
- B. Thông tin giả tràn lan.
- C. Giảm tương tác giữa người với người.
- D. Gây giảm thị lực.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Máy tính được ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực của khoa học kỹ thuật và đời sống.
- B. Nhiều dữ liệu hiện có trên Internet là miễn phí.
- C. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực đến con người và xã hội nhiều hơn so với tác động tích cực.
- D. Cần sử dụng công nghệ thông tin đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến cuộc sống.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Công nghệ thông tin được con người sử dụng để khám phá tri thức mới, kết nối cá nhân với thế giới, hỗ trợ họ trong học tập và lao động.
- B. Công nghệ thông tin giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin.
- C. Ngày nay, mọi người có thể bổ sung sự hiểu biết của mình về bất kỳ lĩnh vực nào, ở mọi nơi và vào mọi lúc bằng cách sử dụng Internet.
- D. Công nghệ thông tin không có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất của con người.

Câu 4: Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học.
- B. Máy chụp X-quang.
- C. Hệ thống thanh toán trong siêu thị.
- D. Hệ thống phun tưới vận hành tự động.

Câu 5: Robot lắp ráp là thiết bị có gắn bộ xử lý được sử dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Công nghiệp.
- B. Giao thông.
- C. Xây dựng.
- D. Giải trí.

Câu 6: Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng. C. Điều khiển ô tô tự động lái.
B. Chẩn đoán bệnh. D. Dự báo thời tiết.

Câu 7: Thiết bị bay không người lái để gieo hạt giống, phun thuốc trừ sâu,... là thiết bị có gắn bộ xử lý được sử dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Giao thông. C. Nông nghiệp.
B. Sinh học. D. Công nghiệp.

Câu 8: Trong y tế, máy tính giúp chẩn đoán hình ảnh như thế nào?

- A. Dựa trên hình ảnh siêu âm, bác sĩ có thể đo được tương đối chính xác kích thước các tạng đặc trong ổ bụng và phát hiện các khối bất thường nếu có.
B. Dựa trên hình ảnh chụp cộng hưởng từ (MRI), bác sĩ xác định được một số bệnh lý ở sọ não.
C. Dựa trên hình ảnh chụp cắt lớp (CT), bác sĩ xác định chính xác hơn các hình thái và các khối bất thường trong cơ thể.
D. Dựa trên hình ảnh X-quang, bác sĩ có thể xác định cấu trúc, kích thước các buồng tim, van tim và các mạch máu lớn.

Câu 9: Kính viễn vọng không gian Hubble là ứng dụng của máy tính trong nghiên cứu?

- A. Vật lý. C. Giao thông.
B. Vũ trụ. D. Hoá học.

Câu 10: Khi em thấy một quảng cáo trên YouTube, em sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.
B. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.
C. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.
D. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.

Câu 11: Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12: Tiêu chí nào sau đây không được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được. C. Tính cập nhật.
B. Tính hấp dẫn. D. Tính đầy đủ.

Câu 13: Nguồn thông tin đáng tin cậy để tìm hiểu thông tin về kì thi tuyển sinh lớp 10 là?

- A. Mạng xã hội. C. Trang web của sở giáo dục và đào tạo.
B. Trang web của bộ thông tin và truyền thông. D. Thông tin từ bạn bè.

Câu 14: Bạn Nam tìm kiếm thông tin về các khóa học tiếng Anh ở một trung tâm nhưng lại không tìm hiểu về học phí và địa điểm của trung tâm. Theo em, sơ suất này vi phạm tiêu chí nào về chất lượng thông tin?

- A. Tính đầy đủ. C. Tính mới.
B. Tính chính xác. D. Tính sử dụng được.

Câu 19: Khi tìm kiếm thông tin chúng ta cần xác định được ai là người đưa thông tin và nguồn thông tin trích dẫn có đáng tin cậy không để kiểm tra tiêu chí nào của chất lượng thông tin?

- A. Tính đầy đủ.
- B. Tính chính xác.
- C. Tính mới.
- D. Tính sử dụng được.

Câu 20: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến quyền riêng tư như thế nào?

- A. Gây mất ngủ.
- B. Ít giao tiếp.
- C. Thông tin cá nhân có thể bị rò rỉ và sử dụng bất hợp pháp.
- D. Gây nghiện Internet.

Câu 22: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất của con người như thế nào?

- A. Gây ra bệnh khô mắt và giảm thị lực.
- B. Những mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng.
- C. Dễ có những cảm xúc tiêu cực.
- D. Cỗ xuý lối sống thiếu đạo đức.

Câu 23: Ví dụ về việc con người quá lệ thuộc vào công nghệ kĩ thuật số để giải quyết những vấn đề nhỏ trong cuộc sống là

- A. Việc lộ thông tin tài khoản ngân hàng có thể bị mất tiền trong tài khoản.
- B. Lừa đảo qua mạng.
- C. Học sinh lười suy nghĩ, nhờ trí tuệ nhân tạo làm bài tập về nhà.
- D. Gia tăng ô nhiễm môi trường.

Câu 24: Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần của con người như thế nào?

- A. Gây ra các vấn đề về cột sống.
- B. Suy giảm sự sáng tạo.
- C. Thách thức về an ninh dữ liệu.
- D. Nguy cơ trầm cảm và lo lắng.

Câu 25: Hành vi nào sau đây khi hoạt động trong môi trường số không vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hóa

- A. Đăng bài hoặc bình luận gây mâu thuẫn vùng miền
- B. Quảng cáo bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm
- C. Sử dụng trái phép tài khoản mạng của tổ chức, cá nhân khác
- D. Chia sẻ thông tin về lớp học ngôn ngữ lập trình trực tuyến

Câu 26: Hành vi nào sau đây là thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.
- B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
- C. Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
- D. Sử dụng dữ liệu của người khác mà không xin phép.

Câu 27: Văn bản nào quy định chi tiết việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin?

- A. Luật An ninh mạng.
- B. Luật An toàn thông tin.
- C. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.
- D. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

Câu 28: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Viết bài, chia sẻ quan điểm cá nhân.
- B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
- C. Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
- D. Sử dụng dữ liệu của chưa được kiểm chứng.

Câu 29: Hành vi nào sau đây là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ môi trường số?

- A. Chia sẻ các bài hát không được sự cho phép của tác giả.
- B. Xem các nội dung trên mạng không rõ nguồn gốc.
- C. Viết bài đánh giá các tác phẩm của người khác.
- D. Tìm kiếm các nội dung trên mạng .

Câu 30: Hành vi nào sau đây là vi phạm lừa đảo qua mạng?

- A. Đăng hình ảnh thông tin người khác.
- B. Chia sẻ thông tin không rõ nguồn gốc.
- C. Viết bài nói xấu người khác.
- D. Chiếm tài khoản zalo, facebook của người khác để vay tiền.

PHẦN II. TƯ LUẬN:

Câu 1. Em hãy nêu ví dụ cho thấy máy tính làm thay đổi cách học tập của con người.

Câu 2. Em hãy nêu các tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin? Em hãy tìm kiếm thông tin về khóa học tiếng Anh miễn phí trên mạng tốt dựa trên các tiêu chí đã nêu?

Câu 3. Những ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến đời sống con người và xã hội?

Câu 4. Em hãy nêu một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hóa trong môi trường số? Hãy nêu một số ví dụ cụ thể đã xảy ra mà em biết.

CÔNG NGHỆ 9

A. Nội dung ôn tập

- Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ
- Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân
- Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam
- Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp

B. Cấu trúc đề thi: 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

C. Hệ thống câu hỏi tham khảo:

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Theo em, nghề nghiệp là gì?

- A. Là tập hợp những việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.
- B. Là tập hợp những người có năng lực, tri thức.
- C. Là tập hợp các công việc được xã hội công nhận.
- D. Là tập hợp những nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.

Câu 2. Nghề nghiệp mang lại ý nghĩa gì cho xã hội?

- A. Thu nhập ổn định, bền vững.
- B. Môi trường thuận lợi để phát triển nhân cách.
- C. Thỏa mãn đam mê, khát khao.
- D. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 3. Hình ảnh dưới đây nói về ngành nghề nào trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ?



- A. Kĩ sư tự động hóa.
- B. Thợ cơ khí.
- C. Kĩ sư điện.
- D. Kĩ thuật hệ thống.

Câu 4. Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

- A. có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.
- B. chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.
- C. có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.
- D. cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

Câu 5. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm các hệ thống giáo dục

- A. chính quy và giáo dục thường xuyên.
- B. mầm non và giáo dục phổ thông.

C. nghề nghiệp và giáo dục đại học

D. phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Câu 6. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở học sinh có thể lựa chọn học nghề ở những cơ sở giáo dục nào?

A. Giáo dục đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

B. Giáo dục đào tạo trình độ cao đẳng, đại học.

C. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp hoặc các cơ sở giáo dục thường xuyên.

D. Giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp, cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục đại học.

Câu 7. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có bao nhiêu hướng đi để lựa chọn?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 8. Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là

A. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.

B. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.

C. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.

D. Chất lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật ngày càng cao.

Câu 9. Sau nhiều năm đổi mới đất nước, thị trường Việt Nam đã có những thay đổi như thế nào?

A. Phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

B. Phát triển về chất lượng lao động, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

C. Phát triển về quy mô và chất lượng lao động, từng bước hiện đại, hội nhập quốc tế.

D. Phát triển về quy mô lao động đầu ra, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

Câu 10. Sự mất cân đối cung – cầu lao động trong lĩnh vực khoa học công nghệ là do đâu?

A. Số lượng cung lao động đáp ứng cầu lao động

B. Chất lượng cung lao động chưa đáp ứng cầu lao động.

C. Lao động phân bổ đồng đều ở các khu vực.

D. Cung lao động được đào tạo phù hợp với cầu lao động.

Câu 11. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội là

A. Mang lại cho con người nguồn thu nhập ổn định, bền vững để chăm lo cho bản thân, gia đình.

B. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

C. Tạo nên niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

D. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội

Câu 12. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

- A. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.
- C. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 13. Giáo dục nghề nghiệp bao gồm

- A. trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.
- B. trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- C. trình độ giáo dục thường xuyên.
- D. trình độ giáo dục phổ thông và trình độ giáo dục đại học.

Câu 14. Giáo dục đại học dành cho những đối tượng nào?

- A. Dành cho người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ thạc sĩ; dành cho trình độ tiến sĩ.
- B. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ tiến sĩ.
- C. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng.
- D. Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, tốt nghiệp trình độ trung cấp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng; dành cho trình độ thạc sĩ; dành cho trình độ tiến sĩ.

Câu 15. Lực lượng lao động ở thành thị trong những năm vừa qua có đặc điểm gì?

- A. Xu hướng ngày càng giảm, tập trung lao động chủ yếu ở những địa phương giáp biển.
- B. Xu hướng ngày càng tăng, tập trung lao động chủ yếu ở những địa phương có cơ cấu kinh tế cao.
- C. Xu hướng ngày càng giảm, tập trung lao động chủ yếu ở vùng nông thôn.
- D. Xu hướng ngày càng tăng.

Câu 16. Nội dung nào không đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội?

- A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.
- C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

Câu 17. Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

- A. Theo học các ngành thuộc lĩnh vực, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.
- B. Theo học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

C. Lựa chọn các trường cao đẳng hoặc đại học có đào tạo nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

D. Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Câu 18. Công việc của thợ cơ khí là

A. Lắp đặt, chế tạo, vận hành máy móc hoặc sửa chữa, phục hồi, thay thế các bộ phận hư hỏng trên máy móc.

B. Nghiên cứu, vận hành, theo dõi các hệ thống tự động, dây chuyền sản xuất tự động, phát hiện và sửa chữa cũng như khắc phục những sai sót của hệ thống một cách kịp thời.

C. Phụ trách nghiên cứu, thiết kế, triển khai xây dựng và hoàn thiện những vấn đề liên quan đến hệ thống điện.

D. Chịu trách nhiệm lên kế hoạch triển khai các hệ thống mới, xử lý lỗi phần mềm và nâng cao hiệu suất của toàn bộ hệ thống.

Câu 19. Giáo dục phổ thông bao gồm

A. Nhà trẻ, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.

B. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.

C. Giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông và đại học.

D. Giáo dục trung học phổ thông, đào tạo tiến sĩ và giáo dục thường xuyên.

Câu 20. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống khi nói về khái niệm phân luồng trong giáo dục

Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện (1) ... trong giáo dục, tạo (2) ... để học sinh tốt nghiệp (3) ..., (4) ... tiếp tục học ở cấp học.

A. (1) đào tạo; (2) điều kiện; (3) trung học phổ thông; (4) đại học.

B. (1) đào tạo; (2) điều kiện; (3) trung học cơ sở; (4) trung học phổ thông.

C. (1) hướng nghiệp; (2) tiền đề; (3) trung học cơ sở; (4) trung học phổ thông.

D. (1) hướng nghiệp; (2) điều kiện; (3) tiểu học; (4) trung học cơ sở.

Câu 21. Sự mất cân đối cung – cầu lao động được thể hiện ở những khu vực nào?

A. Trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các vùng, khu vực và ngành nghề.

B. Trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các doanh nghiệp.

C. Trên phạm vi cả nước.

D. Giữa các doanh nghiệp, các vùng và khu vực ngành nghề.

Câu 22. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng

A. giảm tỉ trọng lao động khu vực nông – lâm nghiệp.

B. giảm tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ.

C. giảm tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp.

D. giảm tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp.

Câu 23. Đây là đặc điểm của nhóm nghề thuật?

A. Thích cạnh tranh.

- B. Muốn người khác phải nể phục.
- C. Dễ xúc động, có óc tưởng tượng phong phú.
- D. Có khả năng phân tích vấn đề.

Câu 24. Nội ý nghĩa của lý thuyết cây nghề nghiệp

- A. Chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của tập thể.
- B. Chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của cá nhân.
- C. Chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của cá nhân.
- D. Chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của cá nhân, tập thể.

Câu 25. Phần rễ của cây nghề nghiệp thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện những mong muốn của con người đối với nghề nghiệp.
- B. Thể hiện cá tính, sở thích, khả năng, giá trị của mỗi cá nhân.
- C. Thể hiện mong muốn của con người đối với cơ hội việc làm.
- D. Thể hiện mong muốn cá nhân đối với môi trường làm việc.

II. Tự luận

Câu 1. Hãy phân tích những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

Câu 2. a) Theo em, phân luồng trong giáo dục là gì?

b) Em hãy cho biết các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

Câu 3. Hãy nêu các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động. Vì sao sự đổi mới công nghệ lại ảnh hưởng đến thị trường lao động?

Câu 4.

a) Hiện nay, tình trạng phân bố lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn như thế nào?

b) Bằng nhiều nguồn thông tin, hãy kể tên 5 ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ có xu hướng phát triển trong thị trường lao động hiện nay? Nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

Câu 5. Em hãy nói về một ngành nghề kỹ thuật mà em thích và những đánh giá khả năng thích ứng của bản thân.

Câu 6. Hãy trình bày ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.

Câu 7. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, vì lý do cá nhân nên bạn Tuấn không học phổ thông nữa mà muốn theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ nhưng không biết nên học ở đâu. Dựa trên kiến thức đã học em hãy tư vấn cho bạn Tuấn?

Môn: KHTN 9

A. LÝ THUYẾT: Học sinh ôn các nội dung sau:

- 1. KHTN1:** Động năng, thế năng, cơ năng.
- 2. KHTN2:** Tính chất chung của kim loại. Dãy hoạt động hóa học của kim loại.
- 3. KHTN3:** Khái quát di truyền học. Các quy luật di truyền của Mendel. Nucleic acid và gene. Tái bản DNA và phiên mã tạo RNA.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (70% trắc nghiệm, 30% tự luận)

C. BÀI TẬP THAM KHẢO

KHTN 1 (Phân môn Vật Lý)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nếu chọn mặt đất làm mốc để tính thế năng thì trong các vật sau đây vật nào không có thế năng?

- A. Viên đạn đang bay.
- B. Lò xo để tự nhiên ở một độ cao so với mặt đất.
- C. Hòn bi đang lăn trên mặt đất.
- D. Lò xo bị ép đặt ngay trên mặt đất.

Câu 2. Động năng của vật phụ thuộc vào

- A. khối lượng.
- B. vận tốc của vật.
- C. khối lượng và chất làm vật.
- D. khối lượng và vận tốc của vật.

Câu 3. Trong các vật sau, vật nào **không** có động năng?

- A. Hòn bi nằm yên trên mặt sàn.
- B. Hòn bi lăn trên sàn nhà.
- C. Máy bay đang bay.
- D. Viên đạn đang bay.

Câu 4. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào vật có cả động năng và thế năng? Chọn mốc thế năng tại mặt đất.

- A. Một máy bay đang chuyển động trên đường băng của sân bay.
- B. Một ô tô đang đỗ trong bến xe.
- C. Một máy bay đang bay trên cao.
- D. Một ô tô đang chuyển động trên đường.

Câu 5. Thả một vật từ độ cao h xuống mặt đất. Hãy cho biết trong quá trình rơi cơ năng đã chuyển hóa như thế nào?

- A. Động năng chuyển hóa thành thế năng.
- B. Thế năng chuyển hóa thành động năng.
- C. Không có sự chuyển hóa nào.
- D. Động năng giảm còn thế năng tăng.

Câu 6. Trường hợp quả bóng rơi chạm đất, nó nảy lên. Trong thời gian nảy lên thế năng và động năng của nó thay đổi như thế nào?

- A. Động năng tăng, thế năng giảm.
- B. Động năng và thế năng đều tăng.
- C. Động năng và thế năng đều giảm.
- D. Động năng giảm, thế năng tăng.

Câu 7. Trường hợp nào sau đây **không** có sự bảo toàn cơ năng của vật?

- A. Một vật nặng rơi từ trên cao xuống.
- B. Chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.

C. Viên bi chuyển động trên mặt phẳng nhẵn.

D. Một con bò đang kéo xe.

Câu 8. Thả một quả bóng bàn rơi từ một độ cao nhất định, sau khi chạm đất quả bóng không nảy lên đến độ cao ban đầu vì

A. quả bóng bị Trái Đất hút.

B. quả bóng đã thực hiện công.

C. thế năng của quả bóng đã chuyển thành động năng.

D. một phần cơ năng chuyển hóa thành nhiệt năng do ma sát với mặt đất và không khí.

Câu 9. Động năng là đại lượng được xác định bằng

A. nửa tích của khối lượng và vận tốc.

B. tích của khối lượng và bình phương một nửa vận tốc.

C. tích khối lượng và bình phương vận tốc.

D. tích khối lượng và một nửa bình phương vận tốc.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Động năng của hệ được bảo toàn.

B. Động năng là năng lượng vật có khi ở độ cao h trong trọng trường.

C. Cơ năng của vật chuyển động trong trọng trường bằng tổng động năng và thế năng.

D. Thế năng của hệ được bảo toàn.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
Câu 1. Một ô tô đang chạy trên đường có động năng.		
a) Động năng phụ thuộc vào khối lượng và tốc độ của xe.		
b) Nếu xe tăng tốc, động năng của nó sẽ giảm.		
c) Động năng sẽ bằng không khi xe dừng lại.		
d) Để giảm động năng của xe khi cần thiết, người lái có thể tăng ga.		
Câu 2. Thế năng trọng trường của một vật ở độ cao nhất định.		
a) Thế năng của một vật tăng khi độ cao của vật tăng.		
b) Thế năng không phụ thuộc vào khối lượng của vật.		
c) Thế năng của một vật ở độ cao nhất định luôn lớn hơn thế năng của vật ở mặt đất.		
d) Để tăng thế năng của một vật, có thể nâng vật lên độ cao lớn hơn hoặc tăng khối lượng của vật.		
Câu 3. Một chiếc ô tô chạy trên cầu có cơ năng.		
a) Cơ năng của ô tô bao gồm cả động năng và thế năng.		
b) Khi ô tô tăng tốc, động năng tăng và thế năng giảm.		
c) Cơ năng của ô tô có thể thay đổi khi thay đổi tốc độ và độ cao.		
d) Để duy trì cơ năng ổn định, cần kiểm soát cả tốc độ và độ cao của ô tô.		

Phần III. Tự luận.

Câu 1. Một máy bay nhỏ có khối lượng 700 kg đang chạy trên đường băng để cất cánh với động năng 35000 J.

- a) Tính tốc độ của máy bay
- b) Khi bắt đầu cất cánh, tốc độ máy bay tăng gấp 3 lần giá trị trên. Tính động năng của máy bay khi đó.

Câu 2. Một vật có khối lượng 45 kg. Tính thế năng của vật biết nó đang ở độ cao 30 m so với mặt đất nếu:

- a) Chọn gốc thế năng ở mặt đất.
- b) Chọn gốc thế năng ở trần nhà cao 8 m.
- c) Chọn gốc thế năng ở đáy giếng sâu 15 m.

Câu 3. Một vật có khối lượng 500 gam đang ở độ cao 30 m so với mặt đất. Chọn mốc thế năng ở mặt đất.

- a) Tính thế năng của vật ở độ cao 30 m.
- b) Thả cho vật rơi tự do. Tính động năng và thế năng của vật khi chạm đất.
- c) Khi vật có động năng 75 J thì thế năng của vật là bao nhiêu?

KHTN 2 (Phân môn Hóa)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kim loại có thể kéo dài thành sợi, dễ dát mỏng hoặc uốn cong do có

- A. tính dẫn điện. B. ánh kim. C. tính dẻo. D. tính dẫn nhiệt.

Câu 2. Kim loại nào sau đây phản ứng với nước ở điều kiện thường, giải phóng khí hydrogen?

- A. Cu. B. Au. C. Fe. D. K.

Câu 3. Cho một mẫu calcium vào dung dịch HCl, hiện tượng quan sát được là

- A. calcium không phản ứng.
B. calcium không tan nhưng có bọt khí thoát ra.
C. calcium tan và có bọt khí thoát ra.
D. calcium tan, không có bọt khí thoát ra.

Câu 4. Cho hỗn hợp nhôm và sắt tác dụng với dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ thu được dung dịch A và chất rắn B gồm hai kim loại. Khi cho chất rắn B tác dụng với dung dịch HCl thấy có bọt khí thoát ra. Chất rắn B **không** chứa kim loại nào sau đây?

- A. Fe và Al. B. Cu. C. Al. D. Fe.

Câu 5. Về sáng lấp lánh của các kim loại ở điều kiện thường được gọi là

- A. tính dẫn điện. B. ánh kim. C. tính dẻo. D. tính dẫn nhiệt.

Câu 6. Kim loại nào sau đây tác dụng với hơi nước ở nhiệt độ cao tạo thành oxide kim loại?

- A. Cu. B. Zn. C. Ag. D. Au.

Câu 7. Hiện tượng gì xảy ra khi cho một thanh đồng vào dung dịch H_2SO_4 loãng?

- A. Thanh đồng tan dần, có khí không màu thoát ra.
B. Thanh đồng tan dần, dung dịch chuyển thành màu xanh lam.

C. Xuất hiện kết tủa trắng.

D. Không có hiện tượng xảy ra.

Câu 8. Cho thanh đồng vào dung dịch muối X không màu, thấy dung dịch xuất hiện màu xanh và có kim loại mới tạo thành bám trên thanh đồng. Muối X có thể là chất nào sau đây?

A. NaCl.

B. $AlCl_3$.

C. $Zn(NO_3)_2$.

D. $AgNO_3$.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
a) Kim loại khác nhau có tính dẫn điện khác nhau.		
b) Nhôm cháy sáng chói trong không khí tạo thành chất rắn màu trắng.		
c) Đa số kim loại đều phản ứng được với dung dịch acid loãng (HCl , H_2SO_4) và giải phóng khí hydrogen.		
d) Nhôm là kim loại bền, không độc và có tính chất vật lí ưu việt là dẫn nhiệt tốt nên được dùng để chế tạo dụng cụ nhà bếp.		
e) Các kim loại khác nhau có nhiệt độ nóng chảy khác nhau.		
f) Sắt cháy trong không khí tạo khói màu nâu đỏ.		
g) Chỉ khi bị đốt nóng ở nhiệt độ cao, các kim loại mới phản ứng với oxygen.		
h) Sodium có độ cứng cao nhất trong các kim loại, thường được dùng để chế tạo hợp kim không gỉ, có độ bền cơ học cao.		

Phần III. Tự luận.

Câu 1. Viết phương trình hóa học của phản ứng giữa kẽm (Zinc) với khí oxygen.

Câu 2. Trình bày cách nhận biết ba kim loại sau bằng phương pháp hóa học: sodium, sắt, đồng.

Câu 3. Cho 11,2 gam sắt phản ứng hết với dung dịch $CuSO_4$ 0,1M thấy có kim loại màu đỏ được tạo thành.

a) Tính khối lượng kim loại màu đỏ được tạo ra. (Cho $Fe = 56$, $Cu = 64$)

b) Tính thể tích dung dịch $CuSO_4$ cần dùng.

Câu 4. Giải thích vì sao thực phẩm có chất chua không nên đựng trong đồ dùng bằng kim loại mà nên đựng trong đồ dùng bằng thủy tinh, sành hoặc sứ.

Câu 5. Viết phương trình hóa học của phản ứng giữa Magnesium với khí oxygen.

Câu 6. Trình bày cách nhận biết hai kim loại sau bằng phương pháp hóa học: potassium, nhôm, đồng.

Câu 7. Trong phòng thí nghiệm, cần điều chế 2,479 L khí hydrogen ở đkc. Người ta cho kẽm tác dụng với 200 ml dung dịch H_2SO_4 (phản ứng hoàn toàn).

a) Tính khối lượng kẽm phản ứng. (Cho $Zn = 65$)

b) Tính nồng độ mol dung dịch H_2SO_4 cần dùng.

Câu 4. Thủy ngân dễ bay hơi và rất độc. Giải thích vì sao nếu chẳng may nhiệt kế thủy ngân bị vỡ thì có thể thu gom bằng cách dùng bột lưu huỳnh rắc lên thủy ngân.

KHTN 3 (Phân môn Sinh)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Di truyền học là khoa học nghiên cứu về tính

- A. di truyền và biến dị ở các sinh vật.
- B. sinh sản và sinh trưởng ở sinh vật.
- C. di truyền và sinh sản ở các sinh vật.
- D. sinh sản và biến dị ở các sinh vật.

Câu 2. Trong di truyền học, kí hiệu ♀ và ♂ là

- A. con cái và con đực
- B. con đực và con cái
- C. thuần chủng và không thuần chủng
- D. không thuần chủng và thuần chủng

Câu 3. Kết quả thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Mendel đã phát hiện ra kiểu tác động nào của gene?

- A. Allen trội tác động bổ trợ với alen lặn tương ứng.
- B. Allen trội và lặn tác động đồng trội.
- C. Allen trội át chế hoàn toàn alen lặn tương ứng.
- D. Allen trội át chế không hoàn toàn alen lặn tương ứng.

Câu 4. Theo dõi thí nghiệm của Mendel, khi lai đậu Hà Lan thuần chủng hạt vàng, trơn và hạt xanh, nhăn với nhau thu được F₁ đều hạt vàng, trơn. Khi cho F₁ tự thụ phấn thì F₂ có tỉ lệ kiểu hình là

- A. 9 vàng, nhăn: 3 vàng, trơn: 3 xanh, nhăn: 1 xanh, trơn.
- B. 9 vàng, trơn: 3 xanh, nhăn: 3 xanh, trơn: 1 vàng, nhăn.
- C. 9 vàng, nhăn: 3 xanh, nhăn: 3 vàng, trơn: 1 xanh, trơn.
- D. 9 vàng, trơn: 3 vàng, nhăn: 3 xanh, trơn: 1 xanh, nhăn.

Câu 5. Loại nucleotide có ở RNA và không có ở DNA là

- A. Adenine.
- B. Thymine.
- C. Cytosine.
- D. Uracil.

Câu 6. Quá trình tổng hợp RNA được thực hiện từ khuôn mẫu của

- A. phân tử protein
- B. riboxom
- C. phân tử RNA mẹ
- D. phân tử ADN

Câu 7. Trong trường hợp trội lặn hoàn toàn thì phép lai nào sau đây cho F₁ có 4 kiểu hình phân li 1:1:1:1?

- A. AaBb x AaBb.
- B. AaBB x AaBb.
- C. AaBB x AABb.
- D. Aabb x aaBb.

Câu 8. Khi phân li độc lập và trội hoàn toàn thì phép lai: AaBbccEeFf x AabbCcddEeff có thể sinh ra đời con có số kiểu hình là:

- A. 72.
- B. 64.
- C. 144.
- D. 256.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Một đoạn gen có cấu trúc như sau:

Mạch 1: – A – C – T – C – G – T – C – A – T –

Mạch 2: – T – G – A – G – C – A – G – T – A –

Phát biểu	Đúng	Sai
a) Nếu mạch 2 là mạch khuôn thì đoạn mạch mRNA được tổng hợp là: – A – C – U – C – G – U – C – A – U –		
b) RNA được tổng hợp theo nguyên tắc bổ sung, khuôn mẫu và bán bảo toàn.		
c) Trong nhân đôi DNA thì các nucleotide tự do trong môi trường nội bào liên kết với các nucleotide trên mạch khuôn của DNA mẹ theo nguyên tắc: A liên kết với G và ngược lại, T liên kết với C và ngược lại		
d) Trên 1 gene có 1400 Nu. Gene đó có 70 chu kì xoắn		
e) Quá trình phiên mã được tổng hợp tại nhân tế bào.		
f) Mỗi amino acid tương ứng với 1 nucleotide trên gen.		

Phần III. Tự luận.

Câu 1. Phát biểu quy luật phân li, quy luật phân li độc lập và phép lai phân tích.

Câu 2. Một gene B có chiều dài 5100 Å và có 25% nucleotide loại A. Trên mạch thứ nhất có 300 nucleotide loại T và trên mạch thứ hai có 250 nucleotide loại C. Hãy tính:

- Số lượng từng loại nucleotide của cả gene.
- Số lượng từng loại nucleotide của từng mạch.
- Khối lượng của gene B.

Câu 3. Các chữ in hoa là allele trội và chữ thường là allele lặn. Mỗi gene quy định 1 tính trạng. Cơ thể mang kiểu gene AabbDDEeFf tự thụ phấn. Xác định số loại giao tử, số kiểu gene và tỉ lệ kiểu hình của phép lai trên.

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 9

A. Nội dung ôn tập

Chủ đề 1: Em với nhà trường

Chủ đề 2: Khám phá bản thân

B. Cấu trúc đề thi: 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

C. Hệ thống câu hỏi ôn tập

* *Dạng tự luận*

Câu 1. Em hiểu thế nào là bắt nạt học đường? Em làm gì để phòng, chống bắt nạt học đường?

Câu 2. Chia sẻ những hành vi, lời nói, việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn.

Câu 3. Khi cùng các bạn trong lớp nói về sở thích âm nhạc, Vân cho biết mình đặc biệt thích các làn điệu dân ca và hát chầu văn. Một số bạn cười rất to vì cho rằng Vân không cập nhật xu hướng âm nhạc của giới trẻ hiện nay. Trong tình huống trên, nếu em là bạn của Vân, em sẽ làm gì?

Câu 4: Lập kế hoạch để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu về tính cách của bản thân.

Điểm mạnh của bản thân	Việc cần làm để phát huy	Thời gian thực hiện: từ..... đến
Điểm yếu của bản thân	Việc cần làm để khắc phục	Thời gian thực hiện: từ..... đến

* *Dạng trắc nghiệm*

Câu 1: Các tiết mục tham gia hoạt động tri ân thầy, cô **không** nói về những nội dung nào sau đây?

- A. Sự kính trọng, biết ơn, yêu mến thầy cô. C. Cảm nhận về thầy cô của mình.
B. Ý nghĩa về nghề dạy học. D. Vẻ đẹp của quê hương đất nước.

Câu 2: Bài hát nào sau đây **không** phải là bài hát về thầy cô?

A. Bụi phấn.

B. Cô giáo em.

C. Ba ngọn nến lung linh.

D. Những bông hoa, những bài ca.

Câu 3: Hành vi, lời nói, việc làm nào sau đây thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với thầy cô?

A. Chỉ hợp tác làm việc nhóm với các bạn khi được thầy cô phân công, yêu cầu.

B. So sánh, đánh giá sự khác biệt trong cách giao tiếp với học sinh của các thầy cô.

C. Lắng nghe góp ý, nhận xét của thầy cô về bản thân.

D. Khó chấp nhận sự khác biệt trong phong cách dạy học, làm việc của mỗi thầy cô.

Câu 4: Đây là cách ứng xử thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn, thầy cô?

A. So sánh, đánh giá, chỉ trích và phán xét những điểm khác biệt.

B. Xa lánh và mỉa mai sự khác biệt.

C. Dùng ngôn ngữ cục cằn, thô lỗ để nhận xét về điểm khác biệt.

D. Chia sẻ cảm xúc tích cực của bản thân về sự khác biệt.

Câu 5: Trong các hoạt động sau, đây là hoạt động phòng chống bắt nạt học đường?

A. Ưu tiên thời gian cho các hoạt động học tập thay vì các hoạt động phòng chống bắt nạt học đường.

B. Tổ chức các diễn đàn, thi tìm hiểu, diễn tiểu phẩm,... về phòng chống bắt nạt học đường.

C. Xem các hình ảnh, video clip về bắt nạt học đường trên mạng xã hội.

D. Tổ chức tọa đàm về chủ đề Trường học xanh – sạch – đẹp.

Câu 6: Đây là hoạt động lao động công ích ở trường học?

A. Tổng vệ sinh trường lớp.

B. Tham gia thi văn nghệ tại trường.

C. Tham gia tọa đàm Trường học xanh – sạch – đẹp.

D. Nhặt rác và túi ni-lông tại địa phương.

Câu 7: Hành vi, lời nói, việc làm nào **không** thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn?

A. Giữ thái độ khiêm tốn, không kiêu căng.

B. Chê bai sở thích của bạn bè.

C. Giúp đỡ các bạn khi cần thiết.

D. Chấp nhận suy nghĩ, tính cách khác với mình của các bạn.

Câu 8: Nếu lựa chọn nội dung tuyên truyền về phòng chống bắt nạt học đường, em sẽ **không** lựa chọn nội dung nào sau đây?

A. Các hình thức bắt nạt học đường.

B. Tác động tiêu cực của bắt nạt học đường đối với cá nhân học sinh, lớp học, nhà trường.

C. Những biện pháp cần thực hiện để phòng chống bắt nạt học đường.

D. Nguyên nhân của việc học sinh xuất hiện ngày càng nhiều thói hư, tật xấu.

Câu 9: Em lựa chọn hình thức nào để tổ chức hoạt động nhận diện các hình thức bắt nạt học đường?

- A. Tổ chức tọa đàm.
- B. Đóng vai giải quyết tình huống.
- C. Làm tờ rơi, áp phích.
- D. Truyền thông đa phương tiện.

Câu 10: Hình thức nào phù hợp để tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng ứng phó với bắt nạt học đường?

- A. Tổ chức tọa đàm.
- B. Đóng vai giải quyết tình huống.
- C. Làm tờ rơi, áp phích.
- D. Truyền thông đa phương tiện.

Câu 11: Em lựa chọn hình thức nào sau đây để tổ chức hiệu quả nhất hoạt động tuyên truyền về các biện pháp phòng chống bắt nạt học đường?

- A. Truyền thông đa phương tiện.
- B. Tổ chức tọa đàm.
- C. Đóng vai giải quyết tình huống.
- D. Vẽ tranh về bắt nạt học đường.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu của các hoạt động lao động công ích ở trường học?

- A. Giáo dục tinh thần trách nhiệm của người học sinh đối với công việc chung.
- B. Bồi dưỡng tình yêu lao động.
- C. Phát triển kỹ năng hợp tác.
- D. Giảm thời gian học bài và làm bài tập về nhà.

Câu 13: Việc xác định điểm yếu của mỗi người có tác dụng gì?

- A. Làm nổi bật điểm mạnh của bản thân.
- B. Hoàn thiện điểm mạnh của bản thân.
- C. Che giấu điểm yếu để hoàn thiện bản thân.
- D. Cải thiện, củng cố và khắc phục bản thân.

Câu 14: Nhận xét nào sau đây là đúng về người có kỹ năng kiểm soát cảm xúc?

- A. Người có kỹ năng kiểm soát cảm xúc thường thể hiện cảm xúc thật trong mọi hoàn cảnh.
- B. Người có kỹ năng kiểm soát cảm xúc thường khó có thể nhận ra cảm xúc của bản thân tại một thời điểm.
- C. Người có kỹ năng kiểm soát cảm xúc thường có tính cách hướng nội, ngại giao tiếp.
- D. Người có kỹ năng kiểm soát cảm xúc thường có thể biết điều chỉnh cảm xúc của bản thân

Câu 15: Việc xác định đặc điểm riêng của bản thân có ảnh hưởng gì đến nghề nghiệp sau này?

- A. Tìm ra các hướng giải quyết các khó khăn trong công việc tương lai.
- B. Xác định các trở ngại trong việc hướng nghiệp.
- C. Loại bỏ các yếu tố gây ảnh hưởng đến công việc tương lai.
- D. Định hướng nghề nghiệp theo đam mê và sở trường.

Câu 16: Thực hành thể hiện tôn trọng sự khác biệt trong tình huống sau: